

**MỤC LỤC**

<b>I. THÔNG TIN CHUNG</b> .....	<b>2</b>
1. Thông tin khái quát.....	2
2. Định hướng phát triển.....	2
3. Thông điệp của Chủ tịch và Tổng giám đốc.....	3
4. Quá trình hình thành và phát triển.....	6
5. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	8
6. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	9
7. Các rủi ro.....	10
<b>II. PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2015</b> .....	<b>11</b>
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	11
2. Tổ chức và nhân sự.....	13
3. Tình hình tài chính.....	15
4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	16
<b>III. BÁO CÁO TỔNG KẾT 2015 VÀ TRIỂN VỌNG 2016</b> .....	<b>16</b>
1. Kết quả hoạt động TVSI 2015.....	16
2. Báo cáo triển vọng 2016.....	19
<b>IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b> .....	<b>21</b>
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.....	21
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty.....	22
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....	22
<b>V. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG</b> .....	<b>23</b>
<b>VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b> .....	<b>24</b>

## I. THÔNG TIN CHUNG

### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt**
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: số 0103015019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 20/12/2006
- Giấy phép thành lập và hoạt động: do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp
  - Giấy phép thành lập và hoạt động số 40/UBCK-GPHĐKD ngày 28/12/2006
  - Giấy phép điều chỉnh - Giấy phép thành lập và hoạt động số 230/UBCK-GP ngày 17/04/2009; và
  - Giấy phép điều chỉnh - Giấy phép thành lập và hoạt động số 10/GPĐC – UBCK ngày 11/03/2013.
  - Giấy phép điều chỉnh - Giấy phép thành lập và hoạt động số 03/GPĐC – UBCK ngày 28/01/2016.
- Vốn điều lệ: 350.000.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi tỷ đồng*)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 350.000.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi tỷ đồng*)
- Địa chỉ:
  - Trước 11/3/2013: Tầng 5, 152 Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Hà Nội
  - Từ 11/3/2013: Tầng 6, số 79 Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Số điện thoại: (84) 3728 0921 | Số fax: (84)3728 0920
- Email: [contact@tvs.com.vn](mailto:contact@tvs.com.vn) | Website: <http://www.tvs.com.vn>

### 2. Định hướng phát triển

#### 2.1. Tầm nhìn

Trở thành một trong những định chế trung gian tài chính hàng đầu trong lĩnh vực chứng khoán, trong đó **hoạt động môi giới, dịch vụ tín dụng** làm chủ đạo.

#### 2.2. Sứ mệnh

- Phát triển thương hiệu TVSI trở thành một trong những thương hiệu hàng đầu trong lĩnh vực kinh doanh chứng khoán;
- Tạo điều kiện tốt nhất cho CBCNV phát triển.
- Tối đa hóa giá trị cổ đông.

#### 2.3. Giá trị cốt lõi

- Dân chủ: tôn trọng mọi ý kiến khác biệt của tất cả các cá nhân bao gồm: Nói thẳng, Lắng Nghe và Bao dung.
- Đổi mới: học hành, và sáng tạo từ chính Khách hàng, đối tác, và đồng nghiệp.
- Tự chủ và phân quyền: để mọi người phát huy hết năng lực, và tốc độ xử lý công việc được nhanh nhất.
- Trung thực: để lãnh đạo xây dựng niềm tin trong nhân viên và để nhân viên làm việc hết mình thay vì xu nịnh lãnh đạo; để Khách hàng, đối tác, và cổ đông tin tưởng gắn bó.

#### 2.4. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Chiến lược dẫn đầu (First mover): Luôn luôn đi đầu phát triển sản phẩm mới;
- Tạo sự khác biệt (Differentiation): Cung cấp giá trị gia tăng cho KH so với đối thủ cạnh tranh với cùng quy mô, và tránh đối thủ copy dịch vụ.
- Chiến lược tập trung (Focus): Tập trung vào hoạt động môi giới, và dịch vụ tín dụng làm nền tảng;
- Tăng trưởng thông qua hợp tác, liên minh đối tác chiến lược

#### 2.5. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

- Đóng góp vào sự phát triển của ngành chứng khoán và nền kinh tế;
- Xây dựng đội ngũ môi giới có kinh nghiệm, trình độ và gắn bó với nghề nghiệp;
- Tích cực tham gia vào các hoạt động có ích cho xã hội và cộng đồng.

**3. Thông điệp của Chủ tịch và Tổng giám đốc**

*Kính gửi các quý cổ đông, khách hàng, và đồng nghiệp,*

**Năm 2015, năm kinh tế, chính trị với những mảng màu sáng tối đan xen**

Nền kinh tế Việt Nam năm 2015 phát triển với tốc độ cao với tăng trưởng GDP 6,68% so với năm 2014, Lạm phát: CPI tăng 0,63% là mức thấp nhất trong 14 năm; Tăng trưởng Tín dụng đạt 18%; Nợ xấu trong hệ thống ngân hàng giảm về dưới 3%; Dòng vốn FDI: Xu hướng phục hồi mạnh mẽ; Thị trường Bất động sản phục hồi và tăng trưởng mạnh mẽ về giá đặc biệt là thanh khoản. Năm 2015 chúng ta cũng thấy sự chuyển biến mạnh mẽ trong tư duy điều hành kinh tế với việc hội nhập sâu rộng vào kinh tế thế giới bằng tham gia hiệp định thương mại tự do FTA như VN-Hàn quốc; VN-EU; AEC; TPP,... Đồng thời đẩy mạnh cải cách pháp lý, hành chính để nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, doanh nghiệp.

Xem lẫn mảng màu sáng, tích cực của nền kinh tế là những vấn đề cần tập trung giải quyết để nâng cao năng lực nền kinh tế như: Cơ cấu tăng trưởng GDP chưa tối ưu; Nợ xấu hệ thống ngân hàng còn tồn tại nhiều, cần giải pháp tháo gỡ; sự ổn định của tỷ giá và cán cân thanh toán đặc biệt là nợ công tăng vượt trần, thâm hụt ngân sách tăng cao và năng lực cạnh tranh quốc gia chưa thực sự được cải thiện.

Kinh tế thế giới năm 2015 phát triển thiếu sự chắc chắn và tiềm ẩn nhiều yếu tố bất ổn. Nền kinh tế Mỹ vẫn là nền kinh tế đầu tàu dẫn dắt sự tăng trưởng kinh tế thế giới, tuy nhiên các nền kinh tế phát triển khác và Trung Quốc có sự sụt giảm tăng trưởng mạnh; các nước mới nổi tăng trưởng chậm lại. Sự sụt giảm của giá dầu thế giới, kinh tế Trung Quốc giảm tốc, chính sách tiền tệ thắt chặt của Mỹ cũng như sự bất ổn của thị trường EU là những yếu tố quan trọng nhất đã hình thành lên bức tranh kinh tế toàn cầu trong năm 2015.

Thị trường chứng khoán 2015

Sau năm 2014, TTCK (thị trường chứng khoán) tăng trưởng mạnh với các con sóng và thanh khoản thị trường tăng cao thì 2015, TTCK không có các con sóng lớn, không có thông tin hỗ trợ đủ mạnh để nhà đầu tư (NĐT) tích cực tham gia. Thanh khoản thị trường giảm 16% so với năm 2014 khiến nghiệp vụ kinh doanh Môi giới các công ty chứng khoán ảnh hưởng nặng nề.

TTCK Việt Nam trong năm 2015 chịu ảnh hưởng một loạt thông tin không thuận lợi: Thông tư 36 có hiệu lực đã hạn chế dòng vốn từ Ngân hàng sang TTCK, Ngân hàng bị mua lại với giá 0 đồng; cổ phiếu nhóm liên quan dầu lửa xuống thấp kỷ lục; nền kinh tế Trung Quốc tăng trưởng chậm; Phá giá đồng Nhân dân tệ, và tiền Đồng; TTCK Trung Quốc suy giảm mạnh, FED tăng lãi suất. Chiều tích cực, chúng ta thấy được nỗ lực của cơ quan quản lý khi đưa ra một loạt các chính sách hỗ trợ phát triển thị trường làm bản lề cho sự đa dạng hàng hóa, kênh đầu tư, quản trị rủi ro như Nghị định 60 nới room, Thông tư 203 giao dịch chứng khoán, chuẩn bị thị trường chứng khoán phái sinh, Thông tư 155 về công bố thông tin minh bạch trên TTCK.

**Chứng khoán Tân Việt 2015**

Năm 2015, TVSI tiếp tục tập trung phát triển mảng kinh doanh cốt lõi đó là Môi giới chứng khoán và dịch vụ tài chính cho NĐT. Mặc dù thanh khoản thị trường không ủng hộ hoạt động môi giới nhưng TVSI đã đạt được những thành công trong cung cấp dịch vụ tài chính cho vay ký quỹ. Trong năm 2015 TVSI cũng thay đổi cấu trúc hoạt động để gia tăng sự linh hoạt phù hợp với nhu cầu của khách hàng và các thay đổi của thị trường bằng việc thành lập phòng Dịch vụ Tài chính. Chính sách quản lý giao dịch ký quỹ cũng được thay đổi theo hướng linh hoạt, thu hút hơn sự quan tâm của khách hàng và tăng tính ổn định của sản phẩm. Bên cạnh đó TVSI đưa vào áp dụng các quy chuẩn cao về quản trị rủi ro với việc thành lập Phòng quản trị rủi ro hoạt động độc lập.

Nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh tiếp tục được huy động và quản trị hiệu quả. Năm 2015 TVSI đã phát hành thành công 2 đợt trái phiếu riêng lẻ đảm bảo cho nguồn vốn cho vay và đầu tư trong năm.

Với định hướng dẫn đầu về công nghệ, TVSI tiếp tục đầu tư cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin để đảm bảo cung cấp cho khách hàng một hệ thống ổn định, tiện lợi và nhiều tính năng. Phát triển sản phẩm mới, ứng dụng tiện ích giao dịch trực tuyến năm 2015, TVSI đã cho ra mắt Ứng dụng TVSI Mobile với nhiều tính năng ưu việt; Margin Group đáp ứng nhiều khẩu vị đầu tư của các nhóm khách hàng khác nhau.

Với chiến lược phát triển bền vững và an toàn, cùng với việc thiếu đi những giao dịch đột biến của khách hàng tổ chức, năm 2015 TVSI có sự suy giảm về thị phần, một phần trong số đó chuyển sang đối thủ cạnh tranh với nhiều rủi ro tiềm ẩn hơn.

### **Năm 2016 cơ hội từ thị trường mới**

*2016 năm của các chính sách phát triển thị trường.*

Hàng loạt các chính sách phát triển thị trường được triển khai cụ thể trong năm 2016 tiếp tục tạo điều kiện thay đổi căn bản trên thị trường chứng khoán như: Thông tư số 203/2015/TT-BTC-Đổi mới về cơ chế giao dịch, tạo thanh khoản cho TTCK; Thông tư số 155/2015/TT-BTC- Minh bạch công bố thông tin và quản trị công ty đại chúng; Nghị định số 60/2015/NĐ-CP - Tạo đột phá trong chính sách thu hút vốn nhà đầu tư nước ngoài và thúc đẩy cổ phần hóa, thoái vốn và gắn cổ phần hóa, đại chúng hóa với niêm yết, đăng ký giao dịch trên TTCK; Nghị định số 42/2015/NĐ-CP - Triển khai TTCK phái sinh 2016; Bộ luật Hình sự- Xử lý hình sự đối với hành vi gian lận trong hồ sơ chào bán chứng khoán.

Kinh tế vĩ mô trong nước được dự báo sẽ tiếp tục ổn định và có mức hồi phục cao hơn trong năm 2016. Công tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia vẫn đang tiếp tục được thực hiện và đẩy mạnh qua đó giúp tăng mức hấp dẫn của Việt Nam trong mắt các nhà đầu tư nước ngoài và kỳ vọng sẽ thu hút thêm được nhiều nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài. Các Hiệp định Thương mại tự do mà Việt Nam tham gia được kỳ vọng mang lại nhiều cơ hội cho nước ta, nhất là về mở rộng thị trường xuất khẩu. Giá dầu, giá nguyên liệu đầu vào giảm giúp giảm chi phí đầu vào cho sản xuất kinh doanh. Lạm phát tiếp tục được kiểm chế, tín dụng tăng trưởng tốt. Chúng ta cũng nhìn thấy những cơ hội từ việc IPO những doanh nghiệp, tổng công ty nhà nước lớn chất lượng, niêm yết và giao dịch trên thị trường Upcom.

Mặc dù có một số những yếu tố thuận lợi kể trên, tuy nhiên, năm 2016, TTCK được đánh giá là sẽ tiếp tục khó khăn. Đầu tiên là những khó khăn đến từ bất ổn nội tại của nền kinh tế như: Chất lượng tăng trưởng của nền kinh tế thấp; Nợ công cao; Nợ xấu Ngân hàng chưa được giải quyết triệt để, và có khả năng bùng phát trở lại bất kỳ lúc nào cùng với việc tăng trưởng tín dụng cũng đang có dấu hiệu nóng; Giá dầu biến động khó lường trong khi thu Ngân sách của Việt Nam đang phụ thuộc khá nhiều vào thu từ nguồn này; Lương tối thiểu, lương đóng bảo hiểm tăng mạnh khiến các doanh nghiệp sẽ gặp thêm rất nhiều khó khăn; Chất lượng hoạt động đầu tư, thất thoát lãng phí trong đầu tư; mức độ cạnh tranh ngày càng trở nên khốc liệt khi hội nhập ngày càng sâu rộng; Sự phụ thuộc của nền kinh tế vào bên ngoài vẫn rất lớn.

Bên cạnh đó, TTCK Việt Nam sẽ chịu tác động, ảnh hưởng trước dự báo kinh tế toàn cầu năm 2016 tăng trưởng chậm lại, đặc biệt sự đi xuống của kinh tế Trung Quốc. Việc Trung Quốc, nền kinh tế lớn thứ hai thế giới suy giảm, trong khi quan hệ thương mại giữa Trung Quốc với nước ta lớn, nên các tác động sẽ thấm dần vào Việt Nam và nhiều nước khác. Tác động đối với Việt Nam tuy chậm, nhưng kéo dài hơn so với nhiều nước.

Tựu chung lại Thị trường chứng khoán 2016 có chút kỳ vọng vào một số điểm sáng như dự báo Kinh tế vĩ mô sẽ ổn định và tăng trưởng, việc hội nhập sâu rộng vào các Hiệp định Thương mại tự do, hay các chính sách hỗ trợ TTCK sẽ có tác dụng tích cực hơn. Tuy nhiên, nhìn chung, TTCK 2016 được dự báo sẽ vẫn còn rất nhiều khó khăn và khó có những thay đổi tích cực mang tính đột biến.

**TVSI TRIỂN VỌNG TUỔI LÊN 10**

Về phía TVSI, với góc nhìn Thị trường năm 2016 là còn nhiều khó khăn. Rủi ro lớn nhất của năm 2016 là sự bất ổn của thị trường. Chủ trương chung của TVSI tiếp tục cố gắng đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh cốt lõi như môi giới, dịch vụ tài chính; tăng cường công tác quản trị rủi ro và tận dụng thành công cơ hội đầu tư phát sinh trong năm.

TVSI năm 2016 tập trung vào hoạt động chăm sóc nâng cao độ thỏa mãn khách hàng về dịch vụ, chính sách chăm sóc khách hàng chuyên biệt, phát triển sản phẩm và chính sách giao dịch ký quỹ ổn định thu hút khách hàng sử dụng linh hoạt dịch vụ tài chính của TVSI là cơ sở để TVSI giữ vững và giành lại thị phần trong năm 2016.

Thị trường còn nhiều bất ổn, quy mô doanh nghiệp phát triển nên TVSI trọng tâm vào hoạt động quản trị rủi ro, ổn định cơ cấu quản trị đảm bảo sự minh bạch trong hoạt động, kiểm soát tốt các rủi ro phát sinh trong hoạt động và đầu tư bởi các bộ phận độc lập, khách quan.

TVSI có kế hoạch từng bước cũng nâng cao năng lực vốn tài chính bằng việc thông qua tăng vốn điều lệ để không bỏ lỡ những cơ hội phát triển thị trường Phái sinh, giao dịch T+0 và nguồn khách hàng online. Liên kết các đối tác chiến lược để có những hoạt động hiệp trợ trong kinh doanh, phát triển sản phẩm mới; tăng cường nhận diện thương hiệu của TVSI.

Cùng với phát triển nguồn vốn và sản phẩm, để phát triển bền vững TVSI luôn chú trọng phát triển con người bằng những chương trình đào tạo chất lượng và tăng cường gắn kết người lao động với doanh nghiệp qua chính sách ESOP.

Một doanh nghiệp cũng như một cơ thể sống, sau thời gian tích lũy về lượng đến mỗi độ tuổi trưởng thành cần một sự thay đổi về chất. TVSI đánh dấu sự trưởng thành khi bước sang tuổi thứ 10 đó là **“Đổi mới tư duy quản trị”**. Hành trình còn dài, tập thể TVSI sẽ tập trung nguồn lực hiện có, bổ sung thêm những tư duy mới, tập trung thế mạnh của đội ngũ giàu kinh nghiệm và nhiệt huyết đánh dấu sự trưởng thành này. Rất nhiều thách thức, rào cản cần chinh phục, nhưng với sự tin tưởng và ủng hộ của Quý cổ đông, Quý khách hàng và các Đối tác, chúng ta tự tin sẽ hoàn thành xuất sắc quá trình đổi mới để hướng đến thành tựu cao hơn.

Thay mặt Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc chúng tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành tới Quý cổ đông, Quý khách hàng và các Đối tác đã luôn ủng hộ và đồng hành cùng TVSI, cảm ơn đóng góp, sáng tạo và nỗ lực của toàn thể cán bộ nhân viên TVSI xây dựng nên một TVSI ngày càng vững mạnh.

Xin trân trọng cảm ơn Quý vị!

Hà Nội, ngày 1/4/2016

**Chủ tịch Hội đồng quản trị**



**Nguyễn Văn Dũng**

**Tổng giám đốc**



**Nguyễn Tiến Thành**

#### 4. Quá trình hình thành và phát triển

<b>2006</b>	- Thành lập TVSI
<b>2007</b>	- Thành viên chính thức của HOSE, HNX. - Thành lập Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.
<b>2008</b>	- Tăng vốn lên 128 tỷ đồng.
<b>2009</b>	- Kết nối giao dịch trực tuyến với HOSE, giao dịch từ xa với HNX. - Tăng vốn lên 350 tỷ đồng. - Thành viên chính thức sàn UPCOM của HNX. - Thành lập các chi nhánh tại Hà Nội, TP. HCM, Hải Phòng, Đà Nẵng. - Thay đổi bộ nhận diện thương hiệu. - Thành lập và đưa vào sử dụng TT Dịch vụ Khách hàng (Contact Center).
<b>2010</b>	- Đạt giải “Tin & Dùm 2009”, “Thương hiệu chứng khoán uy tín 2010”. - Tổ chức thành công hội thảo “Đánh giá tình hình kinh tế vĩ mô, triển vọng ngành Ngân hàng và Bất động sản 2010”. - Thành lập Chi nhánh Nha Trang, Chi nhánh Quy Nhơn. - TVSI là một trong 500 DN tư nhân lớn nhất Việt Nam (VNR 500). - Tổ chức hội thảo “Tác động của tỷ giá và lãi suất tới TTCK VN”.
<b>2011</b>	- Khai trương Trung tâm phân tích (Financial Portal) <a href="http://www.tvsi.com.vn">www.tvsi.com.vn</a> . - Thành lập Chi nhánh Mỹ Đình, Chi nhánh Vĩnh Long. - Triển khai dịch vụ “Chuyển tiền Online với Vietcombank”. Cung cấp gói dịch vụ trực tuyến trọn gói. - Đạt giải Tin&Dùm 2010 cho sản phẩm “Giao dịch trực tuyến” do Thời báo Kinh tế Việt Nam trao tặng (lần thứ hai liên tiếp). - Triển khai bảng giá trực tuyến nhanh nhất VN theo công nghệ mới trên <a href="http://price.tvsi.com.vn">price.tvsi.com.vn</a> . - Tổ chức Hội thảo về thị trường tài chính - Đưa cổng tra cứu thông tin chứng khoán <a href="http://finance.tvsi.com.vn">finance.tvsi.com.vn</a> ra giới thiệu với công chúng qua trang chủ <a href="http://VnExpress.net">VnExpress.net</a> - Triển khai thực hiện quyền, lô lẻ online trên trang <a href="http://iTrade-Home">iTrade-Home</a> - Giới thiệu giao diện mobile của trang web TVSI, ứng dụng giao dịch <a href="http://iTradeMobile">iTradeMobile</a> được giới thiệu trên Apple store, Android market
<b>2012</b>	- Triển khai ứng dụng Mobile trading <a href="http://m.tvsi.com.vn">m.tvsi.com.vn</a> . - Triển khai ứng dụng đặt lệnh trực tiếp trên trang <a href="http://finance.tvsi.com.vn">finance.tvsi.com.vn</a> - Giới thiệu bảng giá rút gọn <a href="http://price2.tvsi.com.vn">price2.tvsi.com.vn</a> - Triển khai hệ thống giao dịch tiền <a href="http://iPayment">iPayment</a> 2012, kết nối trực tiếp và hoàn toàn tự động với VCB. - Nâng cấp hệ thống Core giao dịch đáp ứng khả năng vận hành hiệu quả với số lượng khách hàng tăng nhanh chóng. - Triển khai áp dụng Logo TVSI với bố cục mới, màu sắc nổi bật - Triển khai tin nhắn thương hiệu - TVSI; - Triển khai và cập nhật dịch vụ ứng trước tiền trên tài khoản Margin.

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện rút ngắn chu kỳ bán chứng khoán về ngày T+3 và triển khai lệnh thị trường (MP)</li> <li>- Triển khai Thông tư 210/2012/TT-BTC, hoàn toàn tách bạch tài khoản của nhà đầu tư và CTCK, đảm bảo minh bạch, an toàn cho giao dịch của khách hàng.</li> <li>- Chuyển trụ sở chính về 79 Lý Thường Kiệt, Hà Nội. Chuẩn bị thành lập PGD Tây Hồ (thực hiện đầu năm 2013)</li> <li>- Thị phần TVSI vươn lên lọt vào top 15 các CTCK dẫn đầu và được biết tới là CTCK đầu tư bài bản và có hệ thống công nghệ hiện đại.</li> </ul>
<b>2013</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động tại trụ 79 Lý Thường Kiệt, Hà Nội; xây dựng lại Data Center với các tiêu chuẩn về bảo mật, an toàn và dự phòng cao hơn.</li> <li>- Lập Phòng giao dịch Tây Hồ;</li> <li>- TOP 10 công ty chứng khoán có thị phần cao nhất HNX quý 3/2013.</li> <li>- Xây dựng và hoàn thiện kết nối trực tuyến iPayment – BIDV@EZLINK, tự động hoá hoàn toàn các giao dịch chuyển tiền của nhà đầu tư ra tất cả các ngân hàng bên ngoài. Khách hàng có thể nộp rút tiền online nhánh chóng giữa TK chứng và NH BIDV;</li> <li>- Nâng cấp phần mềm giao dịch ItradeHome cho khách hàng với nhiều tính năng ưu việt: tự động chia lệnh, ứng trên tài khoản margin;</li> <li>- Nâng cấp các tiện ích giao dịch online cho Khách hàng: Thực hiện quyền online; bán chứng khoán lẻ online;</li> <li>- Mở rộng hệ thống Contact center;</li> <li>- Đưa cổng tra cứu thông tin chứng khoán finance.tvsi.com.vn hợp tác với Báo Đầu tư chứng khoán điện tử www.tinnhanhchungkhoan.vn và Thời báo tài chính.</li> <li>- Quản lý tách bạch tiền gửi của KH tại TVSI với tài khoản E-BIDV;</li> <li>- Xây dựng tiêu chuẩn phục vụ KH VIP;</li> <li>- Triển khai làm phần mềm giao dịch trực tuyến mới.</li> </ul>
<b>2014</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Triển khai quy chế chăm sóc khách hàng VIP với nhiều ưu đãi về dịch vụ, tiêu chuẩn phục vụ đặc biệt cho Khách hàng.</li> <li>- Ra mắt công cụ giao dịch trực tuyến ItradeHome 2014 mới với nhiều tính năng nổi trội, tốc độ lệnh tối ưu, giao diện thông minh.</li> <li>- Phát hành trái phiếu riêng lẻ TVSI: Tổng số lượng phát hành thành công 188,5 tỷ đồng trái phiếu, tạo được uy tín với các nhà đầu tư trên thị trường.</li> <li>- TOP 10 công ty chứng khoán có thị phần cao nhất HNX quý 3/2014.</li> <li>- Xây dựng bảng giá riêng dành cho Khách hàng cả TVSI có nhiều tiện ích về quản lý danh mục chứng khoán ưa thích.</li> <li>- Tham gia lập quỹ ETF VFMVN30 nội địa đầu tiên của Việt Nam với vai trò thành viên lập quỹ, cung cấp các dịch vụ mua, hoán đổi sơ cấp chứng chỉ quỹ.</li> <li>- Nâng cấp hệ thống phần cứng IBM storage nâng cao tốc độ xử lý cho tất cả các hoạt động dịch vụ online; vận hành hệ thống an toàn, ổn định.</li> <li>- Hệ thống quản lý sổ cổ đông OTC giúp tiện ích cho KH quản lý cổ đông, trả cổ tức, chuyển nhượng.</li> <li>- Tư vấn mua lại doanh nghiệp giữa Phượng Hoàng Xanh (Phenikaa) mua cổ phần chi phối của Vicostone (VCS).</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- IPO lần đầu thành công cho 12 doanh nghiệp nhà nước, trong đó có 01 doanh nghiệp thuộc Tập đoàn công nghiệp Than và Khoáng sản Việt Nam với số vốn điều lệ là 300 tỷ đồng và đặc biệt là 10 doanh nghiệp thuộc Cục đường thủy nội địa Việt nam.</li> <li>- Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho CTCP CMISTONE Việt Nam: giá trị phát hành tính theo mệnh giá 60 tỷ đồng</li> </ul>
- 2015	<ul style="list-style-type: none"> <li>- TVSI đã phát hành thành công 2 đợt trái phiếu, tổng cộng 232.427 trái phiếu mang tên TVSI, huy động được 232.427.000.000 đồng</li> <li>- Ứng dụng giao dịch trực tuyến cài đặt trên điện thoại di động - TVSI Mobile: giao dịch an toàn, tính năng thông minh, thao tác nhanh chóng, mọi lúc mọi nơi. Giao diện người dùng riêng biệt dành cho thiết bị iPhone, iPad và Android.</li> <li>- Margin Group : phù hợp với nhiều nhu cầu đầu tư khác nhau của khách hàng</li> <li>- Website TVSI giao diện mới: tiếp cận người dùng theo nhu cầu sử dụng, thân thiện, tiện ích, khoa học.</li> <li>- Thành lập 2 phòng ban mới: Quản trị rủi ro, Dịch vụ tài chính. Nâng tầm quản trị rủi ro và dịch vụ tài chính lên một bước mới.</li> </ul>

## 5. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

### 5.1. Ngành nghề kinh doanh

Môi giới chứng khoán.

Giao dịch ký quỹ.

Tư vấn tài chính doanh nghiệp

Bảo lãnh phát hành chứng khoán

Lưu ký chứng khoán,

Tự doanh

Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Công nghệ giao dịch:



#### Web Trading

Tự động ứng trước tiên bán.

Tiện ích nộp/rút/chuyển tiền nhanh chóng.

Độ an toàn bảo mật chứng thực bởi VerSign

#### Window Application Trading

Tốc độ đặt lệnh dưới 1 giây.

Công cụ theo dõi biến động toàn thị trường



#### Mobile Application Trading

Giao diện thân thiện

Giao dịch mọi lúc mọi nơi



#### Web Trading for Mobile

Gọn nhẹ

Tiện dụng

### 5.2. Địa bàn kinh doanh

Sau 9 năm hoạt động, TVSI đã khẳng định được vị thế và uy tín của mình trong lĩnh vực chứng khoán với thị phần không ngừng gia tăng và hệ thống liên tiếp được mở rộng. Hệ thống điểm giao dịch của TVSI có mặt tại hầu hết thành phố lớn.



**MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG CỦA TVSI**

<b>Trụ sở chính:</b>	Tầng 6, số 79 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội Điện thoại: (04) 3728 0921 * Fax: (04) 3728 0920 Trung tâm DVKH: 1900 1885 www.tvsi.com.vn -Email: contact@tvsi.com.vn
<b>CN. Hồ Chí Minh:</b>	193-203 Trần Hưng Đạo, Cô Giang, Q.1, HCM Điện thoại: (08) 3838 6868   Fax: (08) 3920 7542
<b>CN. Hải Phòng</b>	Tầng 3 tòa nhà Akashi số 10 Lê Hồng Phong - TP. Hải Phòng Điện thoại: (031) 3757559   Fax: (031) 3757560
<b>CN. Hoàn Kiếm:</b>	Tầng 2, 3B Thi Sách, Hai Bà Trưng, Hà Nội Điện thoại: (04) 3933 2233   Fax: (04) 3933 5120
<b>CN. Mỹ Đình:</b>	Tầng 2, 58 Trần Thái Tông, Cầu Giấy, Hà Nội Điện thoại: (04) 3792 5183   Fax: (04) 3792 5180
<b>CN. An Đông:</b>	Tầng 7, 76 - 78 - 80 Hải Thượng Lãn Ông, Q.5, HCM Điện thoại: (08) 3855 5438   Fax: (08) 3830 6547
<b>CN. Đà Nẵng:</b>	115 Lê Lợi, Hải Châu, Đà Nẵng Điện thoại: (0511) 375 2282  Fax: (0511) 375 2283
<b>CN. Quy Nhơn:</b>	Số 1 Nguyễn Tất Thành, Quy Nhơn, Bình Định Điện thoại: (056) 381 8840  Fax: (056) 381 8820
<b>CN. Vĩnh Long:</b>	11-11A,B,C Phạm Thái Bường, Vĩnh Long, Vĩnh Long Điện thoại: (070) 385 3533  Fax: (070) 385 3535
<b>PGD. Láng Hạ:</b>	P303A, 105 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội Điện thoại: (04) 3514 9033  Fax: (04) 3514 9107
<b>PGD. Tây Hồ:</b>	152 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội Điện thoại: (04) 3728 6411  Fax: (04) 3728 6407
<b>PGD. Dak Lak:</b>	167 Hai Bà Trưng, Buôn Ma Thuột, Dak Lak Điện thoại: (0500) 384 3396  Fax: (0500) 384 3069
<b>PGD. Cộng Hòa:</b>	347 Cộng Hòa, P.13, Q.Tân Bình, HCM Điện thoại: (08) 3813 2972  Fax: (08) 3813 2970

**6. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

**6.1. Mô hình quản trị**

Bộ máy quản trị TVSI bao gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc

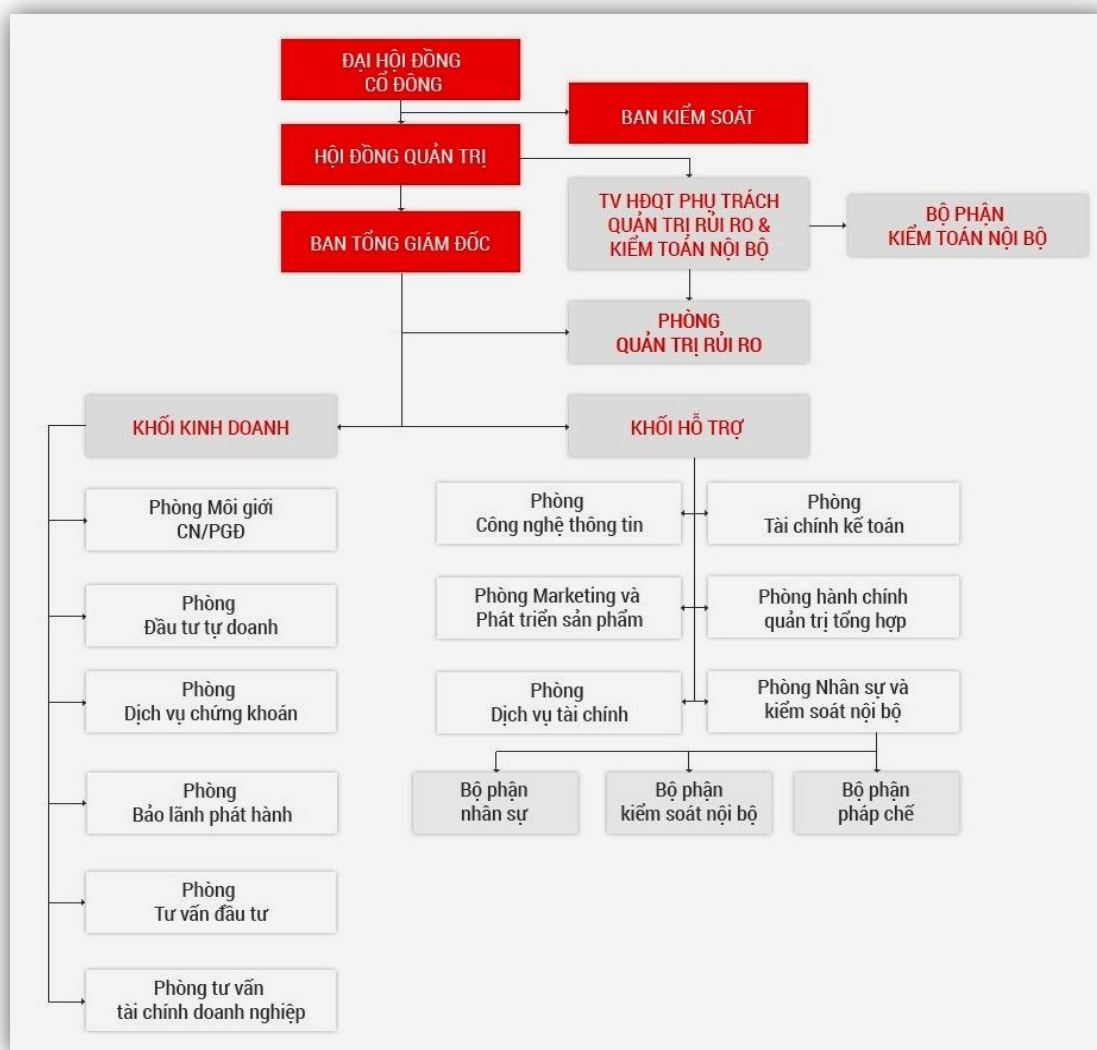
Giúp việc cho HĐQT thực hiện hiệu quả hơn công việc kiểm soát & quản trị rủi ro, năm 2015 TVSI đã thành lập thêm Phòng Quản trị rủi ro và Bộ phận kiểm toán nội bộ và giao cho 01 thành viên Hội đồng quản trị phụ trách.

**6.2. Cơ cấu bộ máy quản lý**

Bộ máy quản lý của TVSI được chia thành 02 nhóm (Nhóm Kinh doanh và Nhóm Hỗ trợ) và các phòng nghiệp vụ theo từng nhóm. Cán bộ quản lý bao gồm các Giám đốc Khối chức năng (Giám đốc Tài chính và các Giám đốc Môi giới Khu vực), Giám đốc các Chi nhánh và Trưởng/Phó các phòng nghiệp vụ.

### 6.3. Các công ty con, công ty liên kết: Không có

### 6.4. Sơ đồ tổ chức TVSI:



## 7. Các rủi ro

Hoạt động kinh doanh chứng khoán, cũng như các công ty chứng khoán khác, trong quá trình hoạt động, TVSI phải đương đầu với rủi ro thuộc 05 nhóm chính bao gồm:

- *Rủi ro thị trường* là rủi ro làm thay đổi các giá trị tài sản đang sở hữu theo chiều hướng bất lợi.
- *Rủi ro thanh toán* là rủi ro xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc không thể chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết.
- *Rủi ro thanh khoản* là rủi ro xảy ra khi CTCK không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn hoặc không thể chuyển đổi các công cụ tài chính thành tiền mặt với giá trị hợp lý trong ngắn hạn do thiếu hụt thanh khoản trong thị trường.
- *Rủi ro hoạt động* là rủi ro xảy ra do lỗi kỹ thuật/ hệ thống/ quy trình nghiệp vụ/ con người trong quá trình tác nghiệp, hoặc do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí/ lỗ từ hoạt động đầu tư/ các nguyên nhân khách quan khác.
- *Rủi ro pháp lý* là rủi ro phát sinh từ việc không tuân thủ các quy định pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh, và từ việc hủy bỏ hợp đồng do hợp đồng bất hợp pháp, vượt quá quyền hạn, thiếu sót các điều khoản hoặc chưa hoàn thiện các tiêu chuẩn, hoặc do các nguyên nhân khác.

Các rủi ro được Hội đồng quản trị và ban Điều hành TVSI nhận thức sâu sắc. Bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT thực hiện chức năng giám sát; Bộ phận chuyên môn phòng Quản trị rủi ro đã được thiết lập liên tục cập nhật, hoàn thiện các quy trình, quy định, quy chế nội bộ nhằm thiết lập và duy trì một cơ chế hiệu quả và toàn diện trong việc kiểm soát các rủi ro này.

**II. PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2015**

**1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

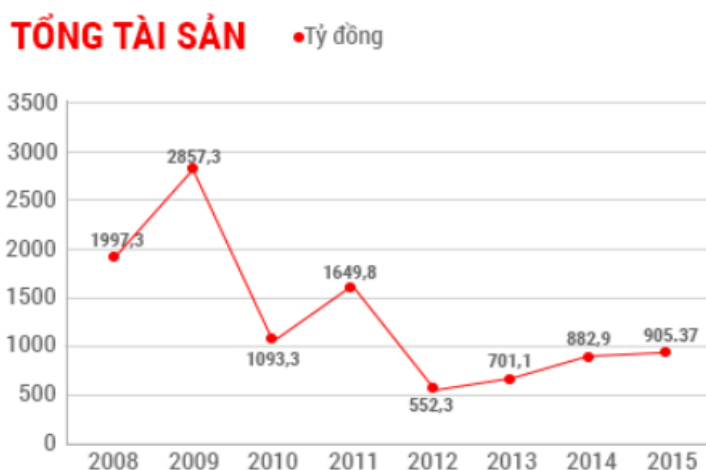
**1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2015**

Năm 2015, TTCK không có các cơn sóng lớn, các thông tin hỗ trợ và tiêu cực đan xen nhau dẫn đến NĐT không tích cực tham gia thị trường, thanh khoản thị trường giảm hơn 16% so với 2014 nên các hoạt động môi giới gặp khó khăn hơn. Tuy nhiên, TVSI đã nỗ lực phát huy những mảng kinh doanh thuận lợi như hoạt động dịch vụ cho vay margin; tư vấn tài chính trong năm 2015 đạt được tăng trưởng vượt bậc.

- Tổng tài sản tại 31/12 là 905,4 tỷ đồng, tăng 2,5% so với 882 tỷ đồng cuối năm 2014.
- Tỷ lệ Vốn chủ sở hữu/Tổng Tài sản tại 31/12/2015 là 42,26%, giảm 1,8% - không đáng kể so với cuối năm 2014, hiệu quả trong huy động các nguồn vốn bổ sung hoạt động kinh doanh, đặc biệt qua việc phát hành 2 đợt trái phiếu riêng lẻ TVSI.
- Tổng Doanh thu đạt 142,66 tỷ đồng, giảm 5,5% so với mức 150,95 tỷ của năm 2014, do chịu ảnh hưởng mạnh của thanh khoản thị trường giảm 16% trong năm 2015.
- Lợi nhuận sau thuế 2015 đạt 17,1 tỷ đồng.

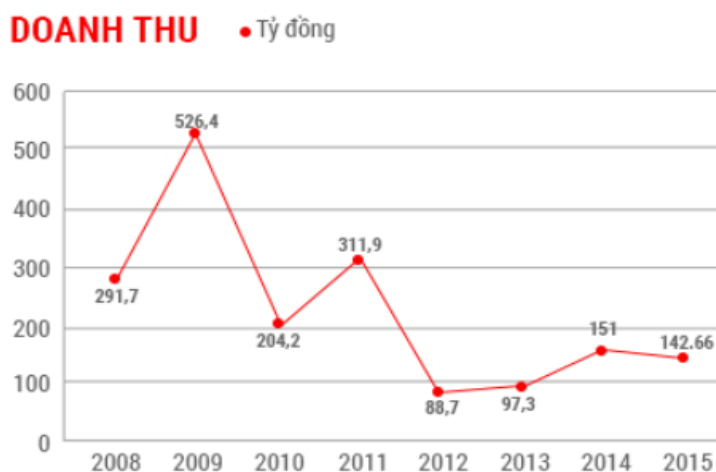
**Biểu đồ Tổng tài sản TVSI qua các năm**

Đơn vị tính: Tỷ đồng



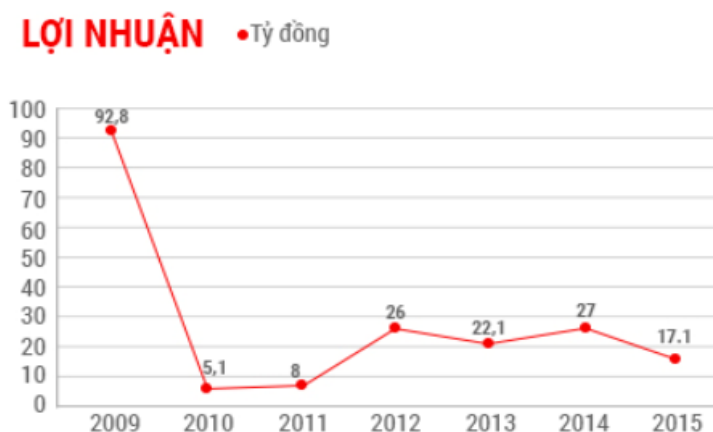
**Biểu đồ Doanh thu TVSI qua các năm**

Đơn vị tính: Tỷ đồng



**Biểu đồ Lợi nhuận TVSI qua các năm**

Đơn vị tính: Tỷ đồng



### 1.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2015	Kế hoạch 2015	% thực hiện KH
1	Tổng tài sản	Tỷ đồng	905,37	-	-
2	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	142,66	152,87	93,3%
3	Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	Tỷ đồng	123,17	123,00	100,1%
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	Tỷ đồng	19,50	29,87	65,3%
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Tỷ đồng	2,4	-	-
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	17,1	27,04	63,24%
7	Số lượng tài khoản	TK	46.269	-	-

## 2. Tổ chức và nhân sự

### 2.1. Hội đồng quản trị:

#### Thành viên điều hành

Họ tên	Chức danh tại TVSI	Cổ phần TVSI sở hữu tại 31/12/2014	Chức danh tại đơn vị khác
<b>Ông Nguyễn Văn Dũng</b>	Chủ tịch (kiêm Tổng Giám đốc)	Số lượng: 2.211.276CP Tỷ lệ sở hữu: 6,32%	(Không có)
<b>Ông Nguyễn Việt Cường</b>	Ủy viên (kiêm Phó Tổng Giám đốc)	Số lượng: 1.282.500 CP Tỷ lệ sở hữu 3.66%	Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Tập đoàn HIPT
<b>Ông Nguyễn Tiến Thành</b> - Phó Tổng Giám đốc	Ủy viên (kiêm Phó Tổng Giám đốc, kiêm GD CN. HCM)	Số lượng: 75.000 CP Tỷ lệ sở hữu: 0,21%	

#### Thành viên độc lập không điều hành

Họ tên	Chức danh tại TVSI	Cổ phần TVSI sở hữu tại 31/12/2015	Chức danh tại đơn vị khác
<b>Ông Võ Tấn Hoàng Văn</b>	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 15/4/2015)	Đại diện sở hữu của Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB): Số lượng: 3.850.000 CP Tỷ lệ sở hữu: 11%	Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn
<b>Ông Hồ Bửu Phương</b>	Ủy viên	5.000 CP	Tổng giám đốc Công ty quản lý quỹ An Phát
<b>Ông Diệp Bảo Châu</b>	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 15/4/2015)	(Không có)	Phó Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn

### 2.2. Danh sách Ban Kiểm soát (tại ngày 31/12/2015)

Ban Kiểm soát TVSI bao gồm 03 thành viên độc lập không điều hành:

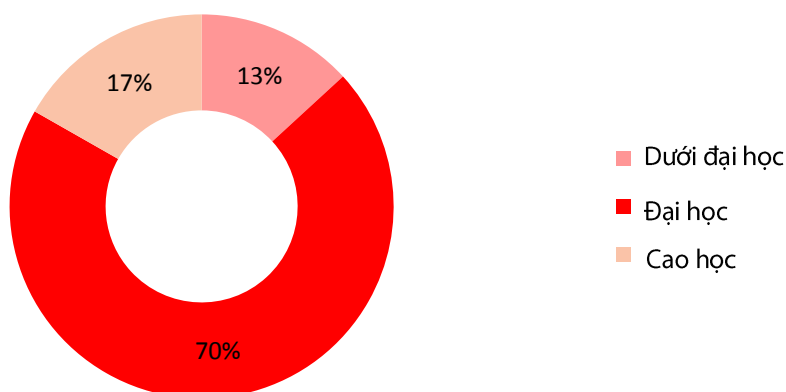
Họ tên	Chức danh	Cổ phần TVSI sở hữu
<b>Bà Phạm Mai Chi</b>	Trưởng ban	Số lượng: 22.000 CP Tỷ lệ sở hữu 0,063%
<b>Bà Bùi Thanh Hiền</b>	Ủy viên	Số lượng: 19.500 CP Tỷ lệ sở hữu 0,056%
<b>Bà Đỗ Ngọc Hoàng Yến</b>	Ủy viên	(Không có)

### 2.3. Danh sách Ban điều hành (tại ngày 31/12/2015)

TT	Họ tên - Chức vụ	Kinh nghiệm công tác	Trình độ	Cổ phần TVSI sở hữu
1	<b>Ông Nguyễn Văn Dũng</b> - <i>Tổng Giám đốc</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tổng Giám đốc kiêm Chủ tịch HĐQT - CTCK Tân Việt (từ 2007 đến nay).</li> <li>Phó Giám đốc - CTCK NH Ngoại thương Việt Nam (2005-2006).</li> <li>Trưởng phòng TCKT - NH Ngoại thương Việt Nam (2002-2005).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Cử nhân kinh tế</li> <li>Thạc sỹ QTKD (MBA)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Số lượng: 2.211.276 CP</li> <li>Tỷ lệ sở hữu: 6.32%</li> </ul>
2	<b>Ông Nguyễn Việt Cường</b> - <i>Phó Tổng Giám đốc</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Phó Tổng Giám đốc kiêm Ủy viên HĐQT – CTCK Tân Việt (từ 2007 đến nay).</li> <li>Ủy viên HĐQT – Công ty cổ phần Tập đoàn HIPT (từ 2012 đến nay).</li> <li>Phó Giám đốc – TT Tin học NH Ngoại thương Việt Nam (1997-2006).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Kỹ sư tin học</li> <li>Thạc sỹ QTKD</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Số lượng: 1.282.500 CP</li> <li>Tỷ lệ sở hữu: 3.66%</li> </ul>
3	<b>Ông Nguyễn Tiến Thành</b> - <i>Phó Tổng Giám đốc</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Phó Tổng Giám đốc kiêm GD CN. HCM - CTCK Tân Việt (từ 2008 đến nay).</li> <li>Giám đốc DVCK – CTCK Tân Việt (2007-2008).</li> <li>Trưởng phòng – NH Ngoại thương Việt Nam.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Cử nhân kinh tế</li> <li>Thạc sỹ quản lý phát triển</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Số lượng: 75.000 CP</li> <li>Tỷ lệ sở hữu: 0,21%</li> </ul>
4	<b>Ông Lê Thanh Tùng</b> - <i>Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Giám đốc tài chính/ Kế toán trưởng – CTCK Tân Việt (từ 2008 đến nay).</li> <li>Trưởng phòng KTTT – Chi nhánh NH Ngoại thương Việt Nam (2005-2008).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Cử nhân kinh tế</li> <li>Thạc sỹ QTKD</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Số lượng: 52.600 CP</li> <li>Tỷ lệ sở hữu: 0,15%</li> </ul>

### 2.4. Cơ cấu nhân sự:

Số lượng cán bộ, nhân viên tại ngày 31/12/2015: 172 người



Nguồn nhân lực là tài sản quý giá và đóng vai trò rất quan trọng trong hoạt động của TVSI. Chính vì lẽ đó, trong quá trình hình thành và phát triển TVSI không ngừng xây dựng các chính sách đãi

ngộ, đào tạo để phát triển và quản lý nguồn nhân lực minh bạch, công bằng để thu hút và giữ gìn nhân tài nhằm đáp ứng yêu cầu khắt khe nguồn nhân lực trong ngành chứng khoán.

Năm 2015, Công ty có một số điều chỉnh về chính sách lương và thu nhập đối với người lao động theo hướng nhằm nâng cao thu nhập và chế độ phúc lợi theo quy định của nhà nước.

### 3. Tình hình tài chính

#### 3.1. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2015 (tỷ đồng)	Năm 2014 (tỷ đồng)	Tăng/ giảm (%)
Tổng giá trị tài sản	905,4	882,9	2,5%
Doanh thu thuần	142,7	151	-5,5%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	19,5	32,8	-40,5%
Lợi nhuận khác	5,6	1,5	273%
Lợi nhuận trước thuế	19,5	32,8	-40,5%
Lợi nhuận sau thuế	17,1	27	-36,7%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	4%	6,2%	-35%

#### 3.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2014	Tăng/ giảm (%)
<i>Chỉ tiêu về tỷ lệ an toàn tài chính</i> + Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng	278%	255,8	10
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i> + Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	8,24	3,13	163,26
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i> + Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,58	0,56	3,57
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,37	0,17	7,87
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i> + Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,16	0,17	-5,88
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i> + Hệ số LN sau thuế/ DT thuần	0,12	0,18	-33,33
+ Hệ số LN sau thuế/ Vốn CSH	0,04	0,07	-42,86
+ Hệ số LN sau thuế/ Tổng tài sản	0,02	0,03	-33,33
+ Hệ số LN từ hđ KD/ DT thuần	0,14	0,22	-36,36

**4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

**4.1. Cổ phần**

- Tổng số cổ phần:	35.000.000 CP
- Loại cổ phần đang lưu hành:	CP phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do:	35.000.000 CP
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu:	Không có

**4.2. Cơ cấu cổ đông (tại ngày 31/12/2015)**

- Theo tỷ lệ sở hữu:	
+ Cổ đông lớn (tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên):	09 cổ đông, chiếm tỷ lệ 84,86%
+ Cổ đông nhỏ:	59 cổ đông, chiếm tỷ lệ 15,14%
- Theo loại đối tượng:	
+ Cổ đông tổ chức:	06 cổ đông, chiếm tỷ lệ 59,94%
+ Cổ đông cá nhân:	62 cổ đông, chiếm tỷ lệ 40,06%

*Ghi chú:* Toàn bộ các cổ đông đều là cổ đông trong nước và không có cổ đông nào là cổ đông Nhà nước.

**4.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Không có

**4.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không có

**4.5. Các chứng khoán khác:** Không có

**III. BÁO CÁO TỔNG KẾT 2015 VÀ TRIỂN VỌNG 2016**

**1. Kết quả hoạt động TVSI 2015**

**1.1. Đánh giá kết quả hoạt động 2015**

Bước sang năm 2015, được TVSI dự đoán trước là một năm khó khăn của thị trường sau một năm sôi động (2014 TTCK hồi phục) và đặt mục tiêu kinh doanh 2015 loại trừ các yếu tố đột biến. Thanh khoản thị trường giảm hơn 16% so với 2014 nên các hoạt động môi giới gặp khó khăn hơn, nhưng TVSI đã nỗ lực trong các hoạt động dịch vụ cho vay margin; tư vấn tài chính và đạt được kết quả đáng khích lệ như sau:

Chỉ tiêu (Tỷ đồng)	Kế hoạch 2015	Thực hiện 2015	Thực hiện 2014	% TH 2015/2014	% TH/KH 2015
<b>Nhân sự</b>		170	178	95,5%	
<b>Số lượng tài khoản</b>		46.269	44.472	104%	
<b>Thị phần</b>		1,45%	1,97%	73,6%	
<b>Tổng tài sản</b>		905,37	882,88	102,5%	



<b>1. DOANH THU</b>	<b>152,87</b>	<b>142,66</b>	<b>150,95</b>	<b>94,5%</b>	<b>93,3%</b>
1.1. Môi giới chứng khoán	55,86	40,46	64,33	62,9%	72,4%
1.2. Đầu tư góp vốn (Tự doanh)	20,00	16,91	34,18	49,5%	84,6%
1.3. Doanh thu tư vấn tài chính	2,10	3,10	1,58	196,2%	147,6%
1.4. Doanh thu dịch vụ tài chính	70,45	78,99	49,94	158,2%	112,1%
1.5. Thu phí lưu ký	1,74	1,75	1,80	97,2%	100,6%
1.6. Thu khác	0,72	0,89	0,68	130,9%	123,6%
<b>2. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>	<b>123,00</b>	<b>123,17</b>	<b>122,27</b>	<b>100,7%</b>	<b>100,1%</b>
<b>3. LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ</b>	<b>29,87</b>	<b>19,50</b>	<b>32,78</b>	<b>59,5%</b>	<b>65,3%</b>

**Các yếu tố đóng góp trong hoạt động kinh doanh năm 2015:**

**Doanh thu hoạt động 2015:** Tổng doanh thu hoạt động đạt 142,66 tỷ đồng hoàn thành 93,3% kế hoạch năm, giảm 5,5% so với 2014. Trong đó doanh thu dịch vụ tài chính chiếm 55,3%; doanh thu môi giới chiếm 28,3% (2014 Môi giới chiếm 42,6%).

**Tổng chi phí hoạt động** năm 2015 của TVSI là 123,17 tỷ đồng bám sát với kế hoạch được giao và tương đương với chi phí hoạt động năm 2014. Trong đó chi phí kinh doanh chứng khoán 96,15 tỷ đồng; tăng 11 tỷ đồng so với 2014.

**Lợi nhuận sau thuế 2015:** đạt 17,1 tỷ đồng hoàn thành 65,3% kế hoạch; giảm 36,7% so với năm 2014.

**Hoạt động Môi giới:** Cạnh tranh trong hoạt động môi giới chứng khoán ngày càng gay gắt; tập trung chủ yếu vào dịch vụ tài chính linh hoạt, giá rẻ; ngoài ra một số công ty khẳng định bằng danh tiếng và dịch vụ phân tích chuyên nghiệp. TVSI đã nỗ lực đưa ra các sản phẩm cho vay cạnh tranh thu hút nhà đầu tư;

- Doanh thu môi giới năm 2015 TVSI đạt 40,46 tỷ đồng, hoàn thành 72,4% kế hoạch được giao và giảm 37,1% với năm 2014.
- Số tài khoản giao dịch chứng khoán mở mới trong năm là 1.797 tài khoản, nâng tổng số tài khoản của khách hàng tại TVSI tại 31/12/2015 lên 46.269 tài khoản (tăng 4% so với 31/12/2014).
- Đa số các đơn vị kinh doanh trong TVSI năm 2015 hoạt động có lãi nhưng do thị trường diễn biến không thuận lợi nên chưa hoàn thành chỉ tiêu được giao trong năm.
- Tuyển dụng nhân sự môi giới chứng khoán đặc biệt khó khăn trong các năm qua dẫn đến số lượng nhân sự môi giới chất lượng chưa cao, chậm tăng trưởng.

**Dịch vụ hỗ trợ tài chính:**

- Hoạt động cho vay giao dịch chứng khoán tăng trưởng mạnh, bình quân năm 518 tỷ đồng, trong đó dư nợ cho vay ký quỹ bình quân năm 2015 đạt 422 tỷ đồng. TVSI đã nỗ lực đưa ra các sản phẩm hỗ trợ tài chính phù hợp với các khẩu vị đầu tư của các loại NĐT khác nhau, điều đó giúp tăng tính cạnh tranh dịch vụ, tăng dư nợ. Chất lượng tài sản giao dịch ký quỹ: Tỷ lệ nợ/Tổng tài sản trung bình trong năm duy trì ở mức 44%.

- Doanh thu dịch vụ hỗ trợ tài chính năm 2015 đạt 78,99 tỷ đồng tỷ hoàn thành 112,1% kế hoạch, tăng 58% so với 2014.

**Hoạt động đầu tư tự doanh:** năm 2015 thị trường ít có những cơn sóng dẫn đến cơ hội đầu tư kiếm lợi nhuận thấp, vì thế các hoạt động tự doanh chưa đạt hiệu quả cao. Doanh thu hoạt động đầu tư tự doanh năm 2015 đạt 16,91 tỷ đồng, hoàn thành 72,4% kế hoạch năm.

**Hoạt động Tư vấn tài chính doanh nghiệp:** 2015 là năm các hoạt động thoái vốn nhà nước, cổ phần hóa DNNN diễn ra mạnh, là năm cuối trong kế hoạch thoái vốn nhà nước, cổ phần hóa DNNN nên các hoạt động tư vấn tài chính hoạt động hiệu quả cao; Năm 2015 doanh thu tư vấn tài chính đạt 3,1 tỷ đồng hoàn thành 147,6% kế hoạch và gấp gần 2 lần doanh thu 2014.

**Nguồn vốn:** Trong năm 2015, TVSI đã phát hành thêm 2 đợt trái phiếu với 232.427 trái phiếu TVSI, huy động được 232.427.000.000 đồng với kỳ hạn trái phiếu lần lượt là 2 và 3 năm. Trái phiếu TVSI được phát hành với lãi suất cố định trong kỳ trả lãi đầu tiên và các kỳ tiếp theo lãi suất thả nổi bằng với lãi suất tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam + tối thiểu từ 2- 2,5%/năm tùy từng đợt phát hành. Với chính sách tiền tệ được điều hành nhịp nhàng, lãi suất huy động có xu hướng tiếp tục ổn định (kỳ hạn 1 năm từ 6-8%/năm, dưới 6 tháng từ 4-5%/năm) tạo điều kiện cho TVSI huy động vốn thông qua phát hành trái phiếu, vay cá nhân với chi phí thấp, số lượng lớn đáp ứng đủ nhu cầu vay của Khách hàng, không xảy ra tình trạng khi thị trường, nhu cầu của NĐT tăng cao, TVSI hết nguồn để cho vay diễn ra các năm trước đây.

**An toàn tài chính:** Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng được duy trì đảm bảo cả năm 2015 đạt tỷ lệ 278% và tăng hơn 10% so với tỷ lệ an toàn vốn khả dụng 2014. Cơ cấu tài sản rủi ro của TVSI đã được cơ cấu tối ưu nhằm nâng cao chất lượng quản trị tài chính.

**Sản phẩm mới:** Margin group là gói dịch vụ cho vay ký quỹ theo khẩu vị NĐT; Sản phẩm Margin là sức mạnh cạnh tranh chính của nhiều công ty trong gia đoạn hiện nay. Một số công ty chấp nhận rủi ro cao đã có thành công về thị phần. TVSI luôn kiên định con đường phát triển bền vững đã xây dựng hệ thống gói dịch vụ Margin đa dạng đáp ứng nhiều khẩu vị NĐT nhưng đảm bảo tự động quy trình, quản trị rủi ro và an toàn vốn.

**Công cụ giao dịch trực tuyến mới:** Công nghệ hỗ trợ giao dịch ngành chứng khoán phát triển và TVSI luôn bám sát định hướng cốt lõi từ ban đầu luôn dẫn đầu về công nghệ. Năm 2015 đã cho ra mắt **TVSI Mobile** ứng dụng giao dịch chứng khoán cài đặt trên điện thoại (native app) với 3 phiên bản cho Ipad; Iphone, thiết bị Android được NĐT đánh giá rất cao. Hệ thống công nghệ luôn đảm bảo cung cấp cho Khách hàng dịch vụ tốt nhất, downtime thấp nhất.

**Dịch vụ chứng khoán:** Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh, chăm sóc khách hàng đã được lượng hóa theo quy trình. Độ thỏa mãn về dịch vụ chuyên môn được nâng cao, tuy nhiên không vì thế mà chúng ta dừng lại, 2016 sẽ tiếp tục là trọng tâm phát triển dịch vụ chăm sóc khách hàng.

**Marketing:** Thương hiệu và Hình ảnh của TVSI dần được chú ý con mắt NĐT. Chúng ta đã lựa chọn ngách đi cho các chiến dịch quảng bá online đã tiếp cận được rộng hơn nhóm khách hàng mục tiêu.

**Kiểm soát nội bộ:** KSNB đã Kiểm tra, giám sát số Công nợ Margin, tài sản đảm bảo; Kiểm tra việc tuân thủ hạn mức đảm bảo không phát sinh nợ xấu trong năm 2015;

**1.2. Tình hình tài chính**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>12/31/2015</b>	<b>12/31/2014</b>	<b>2015/2014</b>
Tài sản ngắn hạn	889,201,305,107	870,814,850,473	102.1%
Tài sản dài hạn	16,174,231,213	12,072,586,500	134.0%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>905,375,536,320</b>	<b>882,887,436,973</b>	102.5%
Nợ phải trả	523,349,273,417	493,553,601,474	106.0%
<i>Nợ ngắn hạn</i>	<i>107,872,273,417</i>	<i>277,848,601,474</i>	38.8%
<i>Nợ dài hạn</i>	<i>415,477,000,000</i>	<i>215,705,000,000</i>	192.6%
Vốn chủ sở hữu	382,026,262,903	389,333,835,499	98.1%
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>905,375,536,320</b>	<b>882,887,436,973</b>	102.5%

Tổng tài sản TVSI năm 2015 tăng nhẹ 2,5% so với 2014, Nợ phải trả năm 2015 tăng 6% so với năm 2014. Chúng ta đã có sự tiến bộ vượt bậc trong phân bố cơ cấu nợ từ Ngắn hạn thiếu ổn định sang cơ cấu nợ an toàn với Tỷ lệ Nợ dài hạn chiếm tỷ trọng cao 80% Tổng nợ phải trả. Nợ dài hạn 2015 tăng 92,6% so với 2014 trong khi đó Nợ ngắn hạn giảm mạnh 61,2% so với 2014.

Cơ cấu nợ an toàn và ổn định giúp cho kế hoạch kinh doanh cho vay dịch vụ tài chính chủ động và hiệu quả cao hơn. Qua đó chúng ta thấy được sự tin tưởng của khách hàng đối với Uy tín và thương hiệu của TVSI khi năm 2015, chúng ta tiếp tục phát hành thành công 2 đợt trái phiếu riêng lẻ không tài sản đảm bảo kỳ hạn 3 năm với tổng giá trị huy động 232 tỷ với lãi suất thấp.

**1.3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

Để tăng cường tính chuyên môn hóa trong cung cấp dịch vụ, đảm bảo đáp ứng tốt hơn nhu cầu khách hàng và quản trị rủi ro tại công ty, năm 2015 TVSI đã thành lập thêm 2 phòng Quản trị rủi ro và Dịch vụ tài chính. Việc thành lập thêm Phòng Quản trị rủi ro nhằm tăng cường công tác quản trị khi quy mô dịch vụ cho vay và các hoạt động khác của TVSI ngày một tăng lên, đồng thời phòng Dịch vụ tài chính cũng làm chuyên môn hóa sâu hơn việc cung cấp và quản lý việc cho vay đến khách hàng.

**2. Báo cáo triển vọng 2016**

Năm 2015 đối với kinh tế vĩ mô của Việt Nam và thế giới đều là sự đan xen mảng sáng tối. Thị trường chứng khoán 2015 là một năm đầy thách thức với nhà đầu tư trong việc gia tăng tài sản nhưng không phải là không có những cơ hội cho những lựa chọn cổ phiếu chất lượng.

Năm 2016, kinh tế Việt Nam sẽ tiếp tục ổn định kinh tế vĩ mô, dự kiến tăng trưởng GDP có thể đạt 6,8-7%.

Dự báo, năm 2016 lạm phát cơ bản ở khoảng 3% và lạm phát sẽ thấp hơn lạm phát cơ bản, ở khoảng 2-3%. So với mục tiêu lạm phát dưới 5% do Quốc hội đề ra, năm 2016 có nhiều dư địa cho việc chủ động điều chỉnh giá hàng hóa và dịch vụ cơ bản cũng như tỷ giá. Tín dụng cũng được dự báo sẽ tăng trưởng tốt trong năm 2016.

Công tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia vẫn đang tiếp tục được thực hiện và đẩy mạnh giúp Việt Nam có nhiều tiến bộ trên bảng xếp hạng năng lực cạnh tranh quốc gia, qua đó giúp tăng mức hấp dẫn của Việt Nam trong mắt các nhà đầu tư nước ngoài và kỳ vọng sẽ thu hút thêm được nhiều nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài.

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (giải ngân) được dự báo tăng từ 13,2 tỷ USD cho năm 2015 lên 13,5 tỷ USD trong năm 2016. Đầu tư gián tiếp nước ngoài dự báo cũng tăng trong năm 2016 do tăng trưởng tiếp tục cải thiện, kinh tế vĩ mô duy trì ổn định, cho dù việc Mỹ tăng lãi suất có thể ảnh hưởng đến dòng vốn đầu tư gián tiếp vào các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển. Hơn nữa, đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán dự kiến sẽ tăng do tỷ lệ sở hữu nước ngoài được nâng lên theo quy định của Nghị định 60/2015/NĐ-CP và hoạt động M&A được đẩy mạnh. Kiều hối cũng được dự báo ước đạt 13 tỷ USD trong năm 2015 và dự báo tăng lên 14 tỷ USD trong năm 2016.

Hiệp định đối tác kinh tế xuyên Thái Bình Dương (TPP), Hiệp định thương mại tự do VN - EU, Cộng đồng kinh tế Asean... là những tín hiệu tốt để mở ra mở ra cơ hội lớn trong việc huy động vốn, mở rộng thị trường xuất khẩu, nhất là đối với mặt hàng dệt may, giải quyết thị trường lao động... Từ đó sẽ tạo ra những điều kiện rất tốt để chúng ta hội nhập sâu hơn, toàn diện hơn, sức cạnh tranh của chúng ta được cải thiện tốt hơn, góp phần tăng thêm thu nhập cho người lao động.

Ngoài ra, nếu trong năm 2016 giá dầu vẫn ở mức thấp, giá lương thực thực phẩm, nguyên liệu đầu vào như sắt thép và các kim loại khác cũng ở mức thấp sẽ tiếp tục tác động tích cực để giảm chi phí đầu vào cho doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp lĩnh vực sản xuất, chế biến, chế tạo.

Nhiều chính sách pháp lý quan trọng có hiệu lực sẽ tạo động lực cho TTCK phát triển về quy mô và chất lượng. 2016 được xem là "năm của các chính sách phát triển thị trường" với nhiều các chính sách lớn được ban hành: Tạo đột phá trong chính sách thu hút vốn nhà đầu tư nước ngoài; Thúc đẩy cổ phần hóa, thoái vốn và gắn cổ phần hóa, đại chúng hóa với niềm yết, đăng ký giao dịch trên TTCK; Đổi mới về cơ chế giao dịch, tạo thanh khoản cho TTCK; Minh bạch công bố thông tin và quản trị công ty đại chúng được tăng cường; Tăng số lượng hàng hóa và công cụ phòng ngừa rủi ro với sản phẩm Phái sinh cuối 2016.

*Dù vậy, VN vẫn đối mặt với những thách thức, khó khăn cơ bản trong năm 2016 cần giải quyết.*

Chất lượng tăng trưởng thấp do thiếu chiều sâu, không ổn định. Tình trạng nợ công vượt ngưỡng cho phép cùng với thu ngân sách bị hạn chế là mối lo ngại.

Nỗ lực tái cơ cấu hệ thống ngân hàng mới chỉ dừng lại ở đảm bảo tính thanh khoản trong ngắn hạn. Nợ xấu tạm được cất giữ lại nên các ngân hàng yếu vẫn là rủi ro lớn cho nền kinh tế trong năm 2016. Lãi suất nói chung sẽ khó giảm, do đó, mục tiêu giảm lãi suất ngân hàng để hỗ trợ thêm cho nền kinh tế sẽ khó thực hiện được, trong khi hiện nay, hầu như tất cả các nguồn lực tín dụng của các doanh nghiệp đều dựa vào ngân hàng thương mại. Tăng trưởng tín dụng nhanh cũng kèm theo rủi ro về nợ xấu.

Với vấn đề tỉ giá, do ảnh hưởng của nhiều yếu tố, đặc biệt là đồng NDT của Trung Quốc liên tục phá giá và FED tăng lãi suất lần đầu tiên trong gần 10 năm qua, tỷ VND/USD đã biến động mạnh, NHNN đã phá giá tiền đồng 6% trong năm 2015. Bước sang năm 2016, Ngân hàng Nhà nước đã đi theo hướng quản lý tỉ giá linh hoạt hơn. Nhà nước sẽ không quản lý rủi ro tỉ giá như trước nữa, mà doanh nghiệp và người dân sẽ phải quen dần với biến động tỉ giá. Sự thành công trong kinh doanh và đầu tư phụ thuộc nhiều vào năng lực quản lý rủi ro tỉ giá do đó sẽ đem lại những thách thức mới cho các doanh nghiệp. Việc nâng lãi suất của Mỹ sẽ gây áp lực lên TTCK khi mà dòng vốn ngoại sẽ có xu hướng rút ra khỏi thị trường mới nổi. Có thể có sức ép tăng lãi suất để ổn định tỷ giá, là một trong những yếu tố có tác động quyết định đến sự phát triển của TTCK, nếu lãi suất biến động nhiều sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển của thị trường.

Lương tối thiểu, lương đóng bảo hiểm tăng mạnh khiến các doanh nghiệp sẽ gặp thêm rất nhiều khó khăn trong cạnh tranh.

Việc hội nhập ngày càng sâu rộng trong phạm vi khu vực và trên toàn cầu cũng mang lại những thách thức không nhỏ đối với nền kinh tế Việt Nam khi mức độ cạnh tranh ngày càng trở nên khốc liệt, đặc biệt trong điều kiện các doanh nghiệp Việt Nam vẫn còn yếu sức cạnh tranh, rất dễ bị tổn thương.

Chất lượng hoạt động đầu tư, thất thoát lãng phí trong đầu tư là vấn đề nhức nhối, làm trầm trọng thêm đến vấn đề nợ công tăng nhanh trong năm qua và những năm tiếp theo, ảnh hưởng lớn đến việc cân đối ngân sách nhà nước, đối ngoại và dự trữ ngoại hối trong thời gian tới.

Bên cạnh đó, TTCK Việt Nam sẽ chịu tác động, ảnh hưởng trước dự báo kinh tế toàn cầu năm 2016 tăng trưởng chậm lại, đặc biệt sự đi xuống của kinh tế Trung Quốc. Việc Trung Quốc, nền kinh tế lớn thứ hai thế giới suy giảm, trong khi quan hệ thương mại giữa Trung Quốc với nước ta lớn, nên các tác động sẽ thấm dần vào Việt Nam và nhiều nước khác. Tác động đối với Việt Nam tuy chậm, nhưng kéo dài hơn so với nhiều nước.

Nhìn nhận những dự báo có tính bất ổn về TTCK có thể có tác động lên tâm lý các nhà đầu tư, hướng dòng tiền của họ sang những kênh trú ẩn có tính an toàn cao hơn như Bất động sản, vàng, trái phiếu.

Thị trường chứng khoán 2016 có một số điểm sáng như dự báo Kinh tế vĩ mô hay các chính sách hỗ trợ TTCK sẽ có tác dụng tích cực hơn, tuy nhiên, nhìn chung, TTCK 2016 được dự báo sẽ vẫn còn rất nhiều khó khăn và khó có những thay đổi tích cực mang tính đột biến.

Với cơ quan quản lý mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu là bảo đảm duy trì sự ổn định và bền vững của thị trường và kiên trì công tác tái cấu trúc thị trường.

#### **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

##### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

Thực hiện chức năng định hướng và giám sát hoạt động của công ty; HĐQT đánh giá hoạt động của công ty năm 2015 đã cơ bản bám sát định hướng và một số mục tiêu kinh doanh mà HĐQT đã đề ra trong kế hoạch hoạt động 2015, như sau:

- Công ty hoạt động tuân theo đúng hoạt động kinh doanh cốt lõi, có hiệu quả, quản lý được rủi ro thông qua các công cụ như kiểm soát và kiểm toán nội bộ, công bố thông tin kịp thời, trung thực và minh bạch;
- Một số chỉ tiêu kinh doanh hoàn thành vượt kế hoạch như dịch vụ tài chính; Tư vấn tài chính Doanh nghiệp 3,1 tỷ bằng 147,6% kế hoạch; Tuy nhiên tổng doanh thu và lợi nhuận chưa hoàn thành kế hoạch đề ra (Doanh thu: 142,66 tỷ hoàn thành 93,3% kế hoạch; Lợi nhuận sau thuế đạt 19,5 tỷ hoàn thành 65,3% kế hoạch) cũng do một số tác động khách quan từ thanh khoản của thị trường giảm so với 2014 khoảng 16%.
- Tập trung phát triển Môi giới và dịch vụ tài chính cho NĐT. Hoạt động cho vay NĐT đã đa dạng hóa dịch vụ bằng triển khai Margin Group; Kết quả Doanh thu Dịch vụ tài chính đạt 78,99 tỷ đồng bằng 112%.
- Tăng cường hoạt động quản trị rủi ro bằng tự động hóa các quy trình, Thành lập phòng Quản trị rủi ro và Dịch vụ tài chính tách biệt; Không phát sinh nợ xấu trong năm 2015.
- Tiếp tục đầu tư công nghệ để phát triển thêm nhiều Ứng dụng giao dịch chứng khoán mới cài đặt trên điện thoại TVSI Mobile; Margin Group.
- Đa dạng nguồn huy động vốn: Phát hành trái phiếu, vay tổ chức cá nhân, ngân hàng, .. đảm bảo cung cấp đủ nguồn cho vay NĐT.
- Đảm bảo các quyền lợi chính đáng (tính minh bạch, an toàn cho giao dịch) của nhà đầu tư/ khách hàng khi thực hiện quản lý tách bạch tài khoản của nhà đầu tư và Công ty.
- Đáp ứng khả năng thanh khoản và mức độ an toàn về tỷ lệ vốn khả dụng trong cả năm đều đặn đạt quanh mức 278%.

- Tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật về kinh doanh nói chung và trong lĩnh vực chứng khoán nói riêng, đặc biệt là các quy định về quản trị Công ty, quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ, công bố thông tin và quản lý giao dịch của khách hàng.
- Hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp có những bước phát triển mạnh mẽ phát hành, đấu giá cổ phần hóa DNNN.
- Chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng được nâng cao rõ rệt; đặt biệt với Khách hàng VIP với nhiều ưu đãi, chính sách cạnh tranh, dịch vụ riêng biệt.

## **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty**

- Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và tuân thủ định hướng hoạt động của HĐQT, nghị quyết của ĐHĐCĐ đề ra.
- Thực hiện đúng các chỉ đạo, nghị quyết của HĐQT liên quan đến hoạt động kinh doanh; Kết quả kinh doanh cơ bản hoàn thành nhiệm vụ mặc dù doanh thu giảm nhẹ (93,3% KH) và lợi nhuận chưa như kế hoạch (65,5% KH). Tuy nhiên một số hoạt động cốt lõi kết quả cao như dịch vụ tài chính (112,1% KH), Tư vấn tài chính doanh nghiệp (147,6%);
- Quản lý rủi ro chặt chẽ, tách bạch hoạt động cho vay và giám sát, Thành lập phòng Quản trị rủi ro và Dịch vụ Tài chính; Đầu tư nâng cấp công nghệ cho ra mắt các công cụ giao dịch mới, tiên tiến đúng thời điểm.
- Triển khai các hoạt động chăm sóc khách hàng có hiệu quả, marketing nâng cao hình ảnh, thương hiệu TVSI.
- Tiếp tục triển khai thực hiện thành công 2 đợt phát hành trái phiếu riêng lẻ không có tài sản đảm bảo với lãi suất hợp lý (232 tỷ đồng), nhằm cung cấp đủ nguồn vốn cho vay Margin.
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty theo đúng thẩm quyền (trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị).
- Ký kết các hợp đồng kinh tế tuân thủ pháp luật, và đúng thẩm quyền.

## **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

Phân tích bối cảnh nền kinh tế Việt Nam năm 2016; các thuận lợi và thách thức, điểm mạnh, điểm yếu của TVSI và kế hoạch do Ban điều hành đề xuất, Hội đồng quản trị thống nhất định hướng hoạt động năm 2016 như sau:

- Chủ trương chung của TVSI là tận dụng thành công cơ hội phát sinh trong năm, tiếp tục cố gắng đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh cốt lõi (môi giới, cho vay, tư vấn) và tăng cường công tác quản trị rủi ro.
- Hoạt động môi giới giữ vững và phát triển thị phần; Tăng mức độ thỏa mãn của khách hàng về dịch vụ của TVSI.
- Chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận như sau: Doanh thu thuần: 152,89 tỷ đồng; Lợi nhuận trước thuế: 17,55 tỷ đồng
- Đa dạng sản phẩm cho vay ký quỹ; Tăng cường công tác quản trị rủi ro đối với các hoạt động cho vay ký quỹ. Thiết lập quan hệ vay vốn ngân hàng theo 2 mô hình: Ngân hàng bán buôn, TVSI bán lẻ dịch vụ tín dụng Margin với các Ngân hàng đối tác.
- Thành lập Hội đồng đầu tư. Thực hiện hoạt động đầu tư với mức thận trọng cao. Chỉ đầu tư khi có nguồn vốn tự có nhàn rỗi và ở mức giá rẻ đáp ứng tiêu chí mà Hội đồng đầu tư phê duyệt.
- Nguồn vốn đáp ứng đủ nguồn cho dịch vụ tín dụng Margin thông qua phát hành trái phiếu cho tổ chức, cá nhân và vay Ngân hàng.
- Triển khai việc tăng vốn điều lệ nhằm nâng cao năng lực tài chính.

- Phát triển các sản phẩm mới: Giao dịch T0; Chứng khoán phái sinh, cho vay chứng khoán ngay khi quy định pháp luật cho phép.
- Nâng cao chất lượng chăm sóc khách hàng gồm: nâng cao chất lượng dịch vụ chứng khoán; dịch vụ chăm sóc khách hàng, dịch vụ tư vấn.
- Tăng cường đào tạo các kỹ năng cần thiết cho CBCNV, và tuyển dụng nhân lực kịp thời để mở rộng Khách hàng và thị trường; Tăng cường xây dựng văn hóa doanh nghiệp: Tinh thần kỷ luật cao, đoàn kết và tính tự chủ trong công việc. Xây dựng chương trình ESOP và thực hiện từ năm tài chính 2016.
- Phát triển bộ phận Phân tích và tư vấn đầu tư để nâng cao chất lượng tư vấn khách hàng; Nghiên cứu thành lập BU điện tử khai thác khách hàng online.
- Đẩy mạnh việc hỗ trợ cho các bộ phận back office trong việc tin học hóa quy trình quản trị và xây dựng sản phẩm.
- Xây dựng chương trình kỷ niệm 10 năm thành lập phù hợp với điều kiện của TVSI trong năm 2016.

## V. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Thị trường chứng khoán Việt Nam còn non trẻ nhưng đã có những đóng góp nhất định cho thị trường tài chính và sự phát triển của nền kinh tế đất nước. TVSI với sứ mệnh của mình là Phát triển thương hiệu TVSI trở thành một trong những thương hiệu hàng đầu trong lĩnh vực kinh doanh chứng khoán; Tạo điều kiện tốt nhất cho CBCNV phát triển; Tối đa hóa giá trị cổ đông; thông qua hoạt động của mình, có tác động trực tiếp lẫn gián tiếp đến xã hội bao gồm nhưng không hạn chế như:

- Hỗ trợ Nâng cao hiệu quả đầu tư
- Đóng góp cho sự phát triển của ngành chứng khoán
- Tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động
- Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của các cổ đông, nhà đầu tư vào TVSI.

Song hành với cơ hội phát triển, sinh lợi, nâng cao năng lực quản trị, phát triển đội ngũ giỏi về nghiệp vụ tài chính, vững vàng về đạo đức nghề nghiệp, TVSI đối mặt với rủi ro căn bản của ngành chứng khoán: rủi ro tuân thủ, chiến lược, danh tiếng, .. Từ nhận diện đầy đủ các rủi ro có thể phát sinh, TVSI đã đánh giá lại và cấu trúc mô hình quản trị với mục tiêu phát triển bền vững.

Tại TVSI các vấn đề đều được chủ động chia sẻ, gắn kết các bộ phận từ đó đánh giá và xem xét vấn đề dựa trên đảm bảo tuân thủ quy định nhà nước và chính sách nội bộ.

Với sứ mệnh được xác định tạo điều kiện tốt cho phát triển con người, hàng năm TVSI tổ chức các khóa đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn và phát triển bản thân; Các chính sách ưu đãi nhân sự đóng góp của công ty với tháng lương thứ 13, thưởng các dịp lễ lớn Quốc tế lao động, quốc khánh, Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán và các ngày sinh nhật. Cùng với tập thể công đoàn công ty, tổ chức các kỳ nghỉ hè, dã ngoại mùa xuân và chăm lo bảo vệ sức khỏe nhân viên với chính sách bảo hiểm sức khỏe ưu việt.

Với các cổ đông của công ty, Chính sách cổ tức đều đặn hàng năm luôn đảm bảo quyền lợi chính đáng cho phần đóng góp của mình. Thông qua Đại hội cổ đông thường niên hàng năm, cổ đông tham gia quyết định các nội dung chiến lược của công ty.

Bộ phận Kiểm soát nội bộ và Phòng Quản trị rủi ro mới được thành lập tháng 12/2015 sẽ không ngừng cập nhật bổ sung những thay đổi của Luật pháp, kiến nghị của các bộ phận phòng ban để có những ứng phó thay đổi phù hợp, dựng thêm hàng rào bảo vệ đối với các rủi ro.

Chiến lược phát triển bền vững của TVSI dựa trên tầm nhìn Trở thành một trong những định chế trung gian tài chính hàng đầu trong lĩnh vực chứng khoán, trong đó hoạt động môi giới, dịch vụ tín dụng làm

chủ đạo. Chúng tôi tin rằng Báo cáo thường niên 2015 Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt ngoài tổng kết các kết quả hoạt động năm 2015 còn là tầm nhìn, định hướng hoạt động của TVSI năm 2016.

Xin Trân trọng cảm ơn quý cổ đông.



NGUYỄN TIẾN THÀNH  
Tổng giám đốc



# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2015**

## ***ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN***

**I. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Việt Cường	Thành viên	
Ông Nguyễn Tiến Thành	Thành viên	
Ông Hồ Bửu Phương	Thành viên	
Ông Võ Tấn Hoàng Văn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15/04/2015
Ông Diệp Bảo Châu	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15/04/2015

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Tiến Thành	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15/01/2016
Ông Nguyễn Văn Dũng	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15/01/2016
Ông Nguyễn Việt Cường	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Tiến Thành	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15/01/2016

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

(Đã ký)

**Nguyễn Tiến Thành**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 11 tháng 03 năm 2016

Số: /VACO/BCKT.NV2

**II. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc****Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 11/03/2016, từ trang 03 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "Báo cáo tài chính").

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

*(Đã ký)***Nguyễn Đức Tiến****Phó Tổng Giám đốc**

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0517-2013-1561-1

**Thay mặt và đại diện cho****CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**

Hà Nội, ngày 11 tháng 03 năm 2016

*(Đã ký)***Phạm Xuân Sơn****Kiểm toán viên**

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1450-2013-156-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU SỐ B 01-CTCK**

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+150)	<b>100</b>		<b>889.201.305.107</b>	<b>870.814.850.473</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>05</b>	<b>179.081.060.225</b>	<b>280.047.392.848</b>
1. Tiền	111		109.541.476.892	165.572.392.848
2. Các khoản tương đương tiền	112		69.539.583.333	114.475.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>07</b>	<b>236.844.074.866</b>	<b>187.043.890.839</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		273.636.972.918	223.482.129.325
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(36.792.898.052)	(36.438.238.486)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>08</b>	<b>469.322.026.645</b>	<b>398.251.134.869</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		441.390.708.508	348.958.053.148
2. Trả trước cho người bán	132		1.446.383.588	1.553.900.738
3. Các khoản phải thu khác	138		53.042.718.479	64.296.964.913
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	09	(26.557.783.930)	(16.557.783.930)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.954.143.371</b>	<b>5.472.431.917</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.506.719.615	1.668.837.379
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		43.214.587	46.032.769
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	2.404.209.169	3.757.561.769
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=220+260)	<b>200</b>		<b>16.174.231.213</b>	<b>12.072.586.500</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>4.929.931.762</b>	<b>3.482.197.168</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	2.394.572.237	1.208.822.217
- Nguyên giá	222		19.548.931.581	17.687.225.156
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.154.359.344)	(16.478.402.939)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	2.535.359.525	2.273.374.951
- Nguyên giá	228		12.702.843.323	11.352.123.323
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.167.483.798)	(9.078.748.372)
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>11.244.299.451</b>	<b>8.590.389.332</b>
1. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263	13	10.136.149.971	7.482.239.852
2. Tài sản dài hạn khác	268		1.108.149.480	1.108.149.480
<b>TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>905.375.536.320</b>	<b>882.887.436.973</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU SỐ B 01-CTCK**

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>523.349.273.417</b>	<b>493.553.601.474</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>107.872.273.417</b>	<b>277.848.601.474</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	30.000.000.000
2. Phải trả người bán	312		1.478.768.659	1.178.458.328
3. Người mua trả tiền trước	313		741.726.900	892.440.772
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	4.893.602.281	9.082.896.382
5. Phải trả người lao động	315		6.188.464.395	6.411.940.509
6. Chi phí phải trả	316	15	6.836.819.803	7.061.855.411
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		4.787.520.123	2.639.652.826
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328	16	82.945.371.256	220.581.357.246
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>415.477.000.000</b>	<b>215.705.000.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333		-	31.850.000.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	17	415.477.000.000	183.855.000.000
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>382.026.262.903</b>	<b>389.333.835.499</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>382.026.262.903</b>	<b>389.333.835.499</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		350.000.000.000	350.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	418		14.369.075.528	11.665.358.230
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		17.657.187.375	27.668.477.269
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>400</b>		<b>905.375.536.320</b>	<b>882.887.436.973</b>

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-CTCK

Đơn vị: VND

#### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
<b>4. Nợ khó đòi đã xử lý</b>			<b>6.228.906.780</b>	<b>6.228.906.780</b>
<b>6. Chứng khoán lưu ký</b>	<b>600</b>		<b>2.919.380.500.000</b>	<b>2.603.866.890.000</b>
<b>6.1 Chứng khoán giao dịch</b>	<b>610</b>		<b>2.691.708.360.000</b>	<b>2.380.262.850.000</b>
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	611		142.684.280.000	62.821.030.000
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	612		2.443.881.000.000	2.230.470.190.000
6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	613		105.143.080.000	86.971.630.000
<b>6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch</b>	<b>620</b>		<b>6.016.070.000</b>	<b>7.838.730.000</b>
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	622		6.016.070.000	7.838.730.000
<b>6.3 Chứng khoán cầm cố</b>	<b>630</b>		<b>167.871.030.000</b>	<b>116.947.950.000</b>
6.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	632		167.871.030.000	116.947.950.000
<b>6.4 Chứng khoán tạm giữ</b>	<b>640</b>		<b>-</b>	<b>32.000.000.000</b>
6.4.1 Chứng khoán tạm giữ của thành viên lưu ký	641		-	32.000.000.000
<b>6.5 Chứng khoán chờ thanh toán</b>	<b>650</b>		<b>48.337.130.000</b>	<b>62.504.400.000</b>
6.5.1 Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	651		2.479.500.000	-
6.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	652		45.473.630.000	62.086.700.000
6.5.3 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	653		384.000.000	417.700.000
<b>6.7 Chứng khoán chờ giao dịch</b>	<b>670</b>		<b>5.447.910.000</b>	<b>4.312.960.000</b>
6.7.1 Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	671		110.000	80.000
6.7.2 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	672		4.011.130.000	4.301.800.000
6.7.3 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	673		1.436.670.000	11.080.000
<b>7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết</b>	<b>700</b>		<b>68.360.020.000</b>	<b>29.058.100.000</b>
<b>7.1 Chứng khoán giao dịch</b>	<b>710</b>		<b>68.360.020.000</b>	<b>29.058.100.000</b>
7.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký			3.990.000	-
7.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	712		66.982.310.000	29.058.100.000
7.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài			1.373.720.000	-
<b>7.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch</b>			<b>15.000.000</b>	<b>-</b>
7.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước			15.000.000	-

(Đã ký)

**Nguyễn Tiến Thành**

**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 11 tháng 03 năm 2016

(Đã ký)

**Lê Thanh Tùng**

**Kế toán trưởng**

(Đã ký)

**Bùi Thị Thanh Hiền**

**Người lập biểu**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU SỐ B 02- CTCK**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
<b>1. Doanh thu</b>	<b>01</b>	<b>19</b>	<b>142.662.856.717</b>	<b>150.951.865.465</b>
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		40.457.580.266	64.334.916.784
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		16.912.930.765	30.088.364.649
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		3.101.773.226	1.578.184.272
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		1.747.150.839	1.804.165.381
Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7		264.545.662	-
Doanh thu khác	01.9		80.178.875.959	53.146.234.379
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>142.662.856.717</b>	<b>150.951.865.465</b>
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	20	96.151.708.412	85.419.085.438
<b>5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>46.511.148.305</b>	<b>65.532.780.027</b>
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	21	27.020.066.182	32.757.470.651
<b>7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)</b>	<b>30</b>		<b>19.491.082.123</b>	<b>32.775.309.376</b>
8. Thu nhập khác	31		5.614.604	1.479.134
<b>9. Lợi nhuận khác (40=31)</b>	<b>40</b>		<b>5.614.604</b>	<b>1.479.134</b>
<b>10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>19.496.696.727</b>	<b>32.776.788.510</b>
11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	2.400.552.026	5.739.615.537
<b>12. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51)</b>	<b>60</b>		<b>17.096.144.701</b>	<b>27.037.172.973</b>
13. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	488	695

(Đã ký)

**Nguyễn Tiến Thành**

**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 11 tháng 03 năm 2016

(Đã ký)

**Lê Thanh Tùng**

**Kế toán trưởng**

(Đã ký)

**Bùi Thị Thanh Hiền**

**Người lập biểu**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU SỐ B 03- CTCK**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>19.496.696.727</b>	<b>32.776.788.510</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao TSCĐ	02	2.257.679.506	1.722.142.205
Các khoản dự phòng	03	10.354.659.566	(8.230.963.634)
(Lãi)/ Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(15.493.731.898)	(9.531.926.297)
Chi phí lãi vay	06	36.749.184.122	26.213.382.943
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>53.364.488.023</b>	<b>42.949.423.727</b>
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(79.351.854.571)	4.983.743.182
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp...)	11	(139.446.344.277)	(27.513.619.944)
Tiền lãi vay đã trả	12	(36.183.546.929)	(22.261.012.054)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	13	(6.051.462.696)	(4.413.483.909)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	14	162.117.764	(255.427.108)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	72.295.755.389	34.635.408.960
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(162.608.609.101)	(35.922.500.370)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(297.819.456.398)</b>	<b>(7.797.467.516)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(3.297.991.700)	(1.976.491.400)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	4.850.000	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	70.600.000.000	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(65.500.000.000)	(35.100.000.000)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	15.124.265.475	35.864.598.886
<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>16.931.123.775</b>	<b>(1.211.892.514)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	402.427.000.000	2.076.578.548.349
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(200.805.000.000)	(1.926.862.043.711)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(21.700.000.000)	(14.000.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>179.922.000.000</b>	<b>135.716.504.638</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(100.966.332.623)</b>	<b>126.707.144.608</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>280.047.392.848</b>	<b>153.340.248.240</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>179.081.060.225</b>	<b>280.047.392.848</b>

(Đã ký)

**Nguyễn Tiến Thành**

**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 11 tháng 03 năm 2016

(Đã ký)

**Lê Thanh Tùng**

**Kế toán trưởng**

(Đã ký)

**Bùi Thị Thanh Hiền**

**Người lập biểu**



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU SỐ B 05- CTCK**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/ giảm				Số dư cuối năm	
		Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	18	350.000.000.000	350.000.000.000	-	-	-	-	350.000.000.000	350.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	18	9.893.537.224	11.665.358.230	1.771.821.006	-	2.703.717.298	-	11.665.358.230	14.369.075.528
3. Lợi nhuận chưa phân phối	18	4.174.946.307	27.668.477.269	27.037.172.973	3.543.642.011	17.096.144.701	27.107.434.595	27.668.477.269	17.657.187.375

Chi tiết tăng, giảm trong năm của các chỉ tiêu vốn chủ sở hữu xem tại Thuyết minh số 18.

(Đã ký)

\_\_\_\_\_  
**Nguyễn Tiến Thành**

**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 11 tháng 03 năm 2016

(Đã ký)

\_\_\_\_\_  
**Lê Thanh Tùng**

**Kế toán trưởng**

(Đã ký)

\_\_\_\_\_  
**Bùi Thị Thanh Hiền**

**Người lập biểu**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B 09-CTCK**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt ("Công ty") được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/12/2006; Giấy phép thành lập và hoạt động số 40/UBCK-GPHĐKD ngày 28/12/2006, và các Giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Vốn điều lệ của Công ty là 350.000.000.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2015 là 172 người (tại ngày 31/12/2014 là 180 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn tài chính;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Nhật ký chung trên máy tính.

**Các bên liên quan**

Các bên liên quan của Công ty gồm:

- Ban Tổng Giám đốc và các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty.

**3. ÁP DỤNG CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN MỚI****Hướng dẫn kế toán mới nhưng chưa áp dụng**

Ngày 30 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2014/TT-BTC hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B 09-CTCK**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

ngày 01/01/2016. Thông tư này thay thế cho Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 về việc hướng dẫn, sửa đổi Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008. Ban Tổng Giám đốc đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

**ÁP DỤNG CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN MỚI (Tiếp theo)****Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính năm 2015.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và tài sản tài chính khác.

*Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần được trình bày trên bảng cân đối kế toán khi Công ty có quyền hợp pháp thực hiện bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B 09-CTCK**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần hoặc thu được các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả đồng thời.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không năm hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Tiền ký quỹ của nhà đầu tư**

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản đặt cọc ủy thác của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán.

**Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán**

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản ký quỹ cho việc thực hiện các giao dịch xóa lệnh và khớp lệnh tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

**Đầu tư tài chính ngắn hạn và dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn****Đầu tư chứng khoán ngắn hạn**

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn là chứng khoán thương mại, bao gồm cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết. Đầu tư chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Việc phân loại khoản đầu tư chứng khoán là đầu tư ngắn hạn hay dài hạn phụ thuộc vào quyết định của Ban Tổng Giám đốc. Theo đó, các khoản đầu tư được coi là ngắn hạn khi Công ty dự định sẽ đầu tư với thời hạn dưới 12 tháng.

Giá gốc của các khoản đầu tư chứng khoán xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá cho các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được thực hiện theo những hướng dẫn trong Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ.

Đối với chứng khoán niêm yết, chứng khoán đăng ký giao dịch giá chứng khoán để trích lập dự phòng là giá chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán của ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập, cụ thể:

- Đối với chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán, giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch tại UPCOM), giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.

Công ty không thực hiện trích lập dự phòng đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng vì không thu thập đủ tối thiểu báo giá bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

Dự phòng giảm giá các khoản chứng khoán ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B 09-CTCK**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**Các hợp đồng bán lại**

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán. Phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại không được ghi nhận là doanh thu theo nguyên tắc thận trọng trừ khi Công ty có khả năng nhận được phần chênh lệch này một cách chắc chắn.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu**

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, gốc và lãi trái phiếu mà Công ty phải trả hộ cho các chủ sở hữu chứng khoán do tổ chức phát hành chứng khoán ủy quyền. Phải trả cổ tức cho cổ đông phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, lãi chia cho cổ đông, người góp vốn, bên góp vốn của công ty chứng khoán.

**Trái phiếu phát hành**

Công ty phát hành trái phiếu thường cho mục đích vay dài hạn.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân (x) với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-CTCK**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán**

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm khoản tiền Công ty nhận từ các nhà đầu tư để thực hiện các giao dịch môi giới chứng khoán và quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư, phải trả Trung tâm Lưu ký chứng khoán về tiền mua chứng khoán của khách hàng và phải trả cho khách hàng tiền bán chứng khoán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu áp dụng).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Số năm khấu hao

Máy móc thiết bị	03 - 06
Phương tiện vận tải	03 - 06
Thiết bị, dụng cụ văn phòng	03 - 06
Tài sản cố định khác	03

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình là giá trị của các chương trình phần mềm phục vụ hoạt động kinh doanh, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian là 3 năm.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Doanh thu**

• **Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán:**

Là khoản phí giao dịch chứng khoán mà công ty chứng khoán được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.

• **Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn:**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B 09-CTCK**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của công ty chứng khoán (được ghi nhận dựa trên thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán) và khoản thu lợi tức cổ phiếu, lãi trái phiếu, thu từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết (lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do Công ty nắm giữ, lãi đầu tư trái phiếu và lãi từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích).

- **Doanh thu hoạt động tư vấn:**

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

- **Doanh thu khác:**

Doanh thu khác bao gồm doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng, hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư tài chính, doanh thu từ các hợp đồng cho vay ký quỹ, lưu ký chứng khoán, ủy thác đấu giá và doanh thu khác. Các khoản này được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích. Lãi thu được từ các hợp đồng mua bán chứng khoán có năm hạn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi thực thu.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-CTCK**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời điểm và việc xác định cuối cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền gửi ngân hàng	94.079.428.839	143.782.997.169
<i>Trong đó tiền ký quỹ của nhà đầu tư</i>	<i>70.171.274.715</i>	<i>87.329.478.119</i>
Tiền gửi thanh toán bù trừ GDCK	15.462.048.053	21.789.395.679
<i>Trong đó tiền gửi thanh toán bù trừ GDCK của nhà đầu tư</i>	<i>12.378.606.591</i>	<i>21.318.368.228</i>
Các khoản tương đương tiền (i)	69.539.583.333	114.475.000.000
	<b>179.081.060.225</b>	<b>280.047.392.848</b>

Ghi chú: (i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội, Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành.

**6. KHỐI LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ THỰC HIỆN GIAO DỊCH TRONG NĂM**

	<b>Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm</b>	<b>Giá trị giao dịch thực hiện trong năm</b>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>a) Cửa Công ty chứng khoán</b>	<b>6.072.728</b>	<b>136.157.645.800</b>
- Cổ phiếu	6.072.728	136.157.645.800
<b>b) Cửa nhà đầu tư</b>	<b>1.297.104.724</b>	<b>17.714.855.189.400</b>
- Cổ phiếu	1.297.104.724	17.714.855.189.400
	<b>1.303.177.452</b>	<b>17.851.012.835.200</b>



**7. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**7.1. Tình hình đầu tư tài chính**

Đơn vị: VND

Chi tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		So với giá thị trường				Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Tăng		Giảm		Cuối năm	Đầu năm
					Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm		
<b>I. Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>15.232.267</b>	<b>12.725.019</b>	<b>273.636.972.918</b>	<b>223.482.129.325</b>	<b>3.086.647.367</b>	<b>2.609.847.048</b>	<b>36.792.898.052</b>	<b>36.438.238.486</b>	<b>239.930.722.233</b>	<b>189.653.737.887</b>
<i>Chứng khoán thương mại</i>										
- Cổ phiếu	15.232.267	12.725.019	243.636.972.918	188.382.129.325	3.086.647.367	2.609.847.048	36.792.898.052	36.438.238.486	209.930.722.233	154.553.737.887
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	<i>13.503.374</i>	<i>8.571.936</i>	<i>221.177.074.345</i>	<i>137.184.892.600</i>	<i>3.065.856.485</i>	<i>2.216.262.539</i>	<i>25.140.762.530</i>	<i>23.656.732.239</i>	<i>199.102.168.300</i>	<i>115.744.422.900</i>
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết (i)</i>	<i>1.728.893</i>	<i>4.153.083</i>	<i>22.459.898.573</i>	<i>51.197.236.725</i>	<i>20.790.882</i>	<i>393.584.509</i>	<i>11.652.135.522</i>	<i>12.781.506.247</i>	<i>10.828.553.933</i>	<i>38.809.314.987</i>
<b>Đầu tư ngắn hạn khác (ii)</b>	-	-	<b>30.000.000.000</b>	<b>35.100.000.000</b>	-	-	-	-	<b>30.000.000.000</b>	<b>35.100.000.000</b>

Ghi chú:

- (i) Bao gồm cổ phiếu đăng ký giao dịch UPCOM và cổ phiếu chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch. Đối với mã cổ phiếu chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch (Cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Hóa chất phân bón Lào Cai), Công ty không trích lập dự phòng do không có căn cứ để xác định giá thị trường của các cổ phiếu này.
- (ii) Bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành, lãi suất tiền gửi 5,4%/năm, trả lãi vào ngày đáo hạn của hợp đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-CTCK**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**7. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**7.2. Dự phòng giảm giá đầu tư**

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Giảm so với giá thị trường</i>
<b><i>Cổ phiếu niêm yết</i></b>	<b><i>13.503.374</i></b>	<b><i>221.177.074.345</i></b>	<b><i>25.140.762.530</i></b>
MBB	6.769.151	106.959.033.958	8.129.429.358
SHB	2.865.700	23.679.122.270	5.052.072.270
E1VFN30	1.000.000	10.221.471.386	621.471.386
PVS	666.398	14.019.865.501	2.891.018.901
HPG	368.580	11.985.030.447	1.222.494.447
LAS	261.224	9.773.601.936	1.675.657.936
PVB	231.100	7.312.480.000	841.680.000
GAS	150.000	5.964.265.000	534.265.000
Khác	1.191.221	31.262.203.847	4.172.673.232
<b><i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i></b>	<b><i>1.728.911</i></b>	<b><i>22.459.898.573</i></b>	<b><i>11.652.135.522</i></b>
<b><i>UPCOM</i></b>	<b><i>778.025</i></b>	<b><i>16.896.927.847</i></b>	<b><i>11.652.135.522</i></b>
HIG	666.225	15.576.105.772	11.652.135.522
VIR	111.800	1.320.822.075	-
<b><i>OTC</i></b>	<b><i>950.886</i></b>	<b><i>5.562.970.726</i></b>	<b><i>-</i></b>
MSB	789.845	3.949.225.000	-
Công ty CP Hóa chất phân bón Lào Cai	159.900	1.599.000.000	-
Khác	1.141	14.745.726	-
<b><i>Cộng đầu tư cổ phiếu</i></b>	<b><i>15.232.285</i></b>	<b><i>243.636.972.918</i></b>	<b><i>36.792.898.052</i></b>

## 8. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Đầu kỳ			Số phát sinh trong kỳ		Cuối kỳ			Số dự phòng
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1. Phải thu của khách hàng	348.958.053.148	1.495.528.730	1.495.528.730	6.472.551.197.073	(6.380.118.541.713)	441.390.708.508	1.495.528.730	1.495.528.730	1.495.528.730
<i>Phải thu về dịch vụ giao dịch ký quỹ</i>	<i>342.223.879.446</i>	<i>43.188.730</i>	<i>43.188.730</i>	<i>5.120.836.030.790</i>	<i>(5.048.434.504.032)</i>	<i>414.625.406.204</i>	<i>43.188.730</i>	<i>43.188.730</i>	<i>43.188.730</i>
<i>Phải thu về dịch vụ ứng trước</i>	<i>4.539.526.117</i>	-	-	<i>1.334.654.363.153</i>	<i>(1.326.436.230.662)</i>	<i>12.757.658.608</i>	-	-	-
<i>Phải thu hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp</i>	<i>1.625.912.772</i>	<i>1.452.340.000</i>	<i>1.452.340.000</i>	<i>3.696.950.550</i>	<i>(3.225.850.550)</i>	<i>2.097.012.772</i>	<i>1.452.340.000</i>	<i>1.452.340.000</i>	<i>1.452.340.000</i>
<i>Phải thu của Trung tâm lưu ký chứng khoán</i>	-	-	-	<i>11.497.039.000</i>	-	<i>11.497.039.000</i>	-	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>568.734.813</i>	-	-	<i>1.866.813.580</i>	<i>(2.021.956.469)</i>	<i>413.591.924</i>	-	-	-
2. Trả trước cho người bán	1.553.900.738	62.255.200	62.255.200	4.304.479.515	(4.411.996.665)	1.446.383.588	62.255.200	62.255.200	62.255.200
3. Phải thu khác	64.296.964.913	50.000.000.000	50.000.000.000	13.859.483.572	(25.113.730.006)	53.042.718.479	50.000.000.000	50.000.000.000	25.000.000.000
<i>Lãi dự thu cổ tức</i>	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<i>Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn</i>	<i>15.333.333</i>	-	-	<i>1.906.150.423</i>	<i>(1.541.534.000)</i>	<i>379.949.756</i>	-	-	-
<i>Phải thu các hợp đồng mua bán lại chứng khoán SCB (Ngân hàng TMCP Sài Gòn) (i)</i>	<i>64.279.631.580</i>	<i>50.000.000.000</i>	<i>50.000.000.000</i>	-	<i>(14.279.631.580)</i>	<i>50.000.000.000</i>	<i>50.000.000.000</i>	<i>50.000.000.000</i>	<i>25.000.000.000</i>
<i>Phải thu CBNV Công ty</i>	-	-	-	<i>8.520.000.000</i>	<i>(5.860.000.000)</i>	<i>2.660.000.000</i>	-	-	-
<i>Phải thu khác</i>	<i>2.000.000</i>	-	-	<i>3.433.333.149</i>	<i>(3.432.564.426)</i>	<i>2.768.723</i>	-	-	-
4. Tạm ứng	3.234.422.669	-	-	1.632.033.152	(2.983.635.752)	1.882.820.069	-	-	-

**Ghi chú:** (i) Công ty và ông Lâm Thành Đạo đã thanh lý hợp đồng mua bán lại chứng khoán SCB số 15/2011/HĐMB-SCB trong năm 2014. Tại ngày 31/12/2015, ông Lâm Thành Đạo còn phải trả Công ty là 50.000.000.000 VND. Đến ngày 31/12/2015, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi 50% số dư phải thu này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-CTCK**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**9. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Số dư đầu kỳ	(16.557.783.930)	(4.305.760.320)
Số sử dụng trong kỳ	-	6.228.906.780
Số trích lập trong kỳ	(10.000.000.000)	(18.480.930.390)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>(26.557.783.930)</b>	<b>(16.557.783.930)</b>

**10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tạm ứng	1.882.820.069	3.234.422.669
Tài sản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	521.389.100	523.139.100
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.404.209.169</b>	<b>3.757.561.769</b>

**11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2015	16.095.634.363	1.049.043.200	268.758.581	273.789.012	17.687.225.156
Mua sắm mới	2.354.694.100	-	-	-	2.354.694.100
Thanh lý, nhượng bán	(492.987.675)	-	-	-	(492.987.675)
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>17.957.340.788</b>	<b>1.049.043.200</b>	<b>268.758.581</b>	<b>273.789.012</b>	<b>19.548.931.581</b>
<b>KHẤU HAO LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2015	14.886.812.146	1.049.043.200	268.758.581	273.789.012	16.478.402.939
Khấu hao trong kỳ	1.168.944.080	-	-	-	1.168.944.080
Thanh lý, nhượng bán	(492.987.675)	-	-	-	(492.987.675)
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>15.562.768.551</b>	<b>1.049.043.200</b>	<b>268.758.581</b>	<b>273.789.012</b>	<b>17.154.359.344</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2015	1.208.822.217	-	-	-	1.208.822.217
Tại ngày 31/12/2015	2.394.572.237	-	-	-	2.394.572.237

Tại ngày 31/12/2015, tổng nguyên giá các tài sản đã hết khấu hao nhưng vẫn sử dụng là 15.871.323.648 VND (tại ngày 01/01/2015 là 15.195.841.538 VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-CTCK**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày 01/01/2015	11.352.123.323	11.352.123.323
Mua sắm mới	1.350.720.000	1.350.720.000
Tại ngày 31/12/2015	<b>12.702.843.323</b>	<b>12.702.843.323</b>
<b>KHẤU HAO LŨY KẾ</b>		
Tại ngày 01/01/2015	9.078.748.372	9.078.748.372
Khấu hao trong kỳ	1.088.735.426	1.088.735.426
Tại ngày 31/12/2015	<b>10.167.483.798</b>	<b>10.167.483.798</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2015	2.273.374.951	2.273.374.951
Tại ngày 31/12/2015	<b>2.535.359.525</b>	<b>2.535.359.525</b>

Tại ngày 31/12/2015, tổng nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng còn sử dụng là 8.353.148.283 VND (tại ngày 01/01/2015 là 7.851.877.173 VND).

**13. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tiền nộp ban đầu	124.489.244	124.489.244
Tiền nộp bổ sung	7.297.902.188	5.199.652.616
Tiền lãi phân bổ trong năm/ (kỳ)	2.713.758.539	2.158.097.992
	<b>10.136.149.971</b>	<b>7.482.239.852</b>

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	128.132.310	89.338.763
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.088.704.867	5.739.615.537
Thuế thu nhập cá nhân	2.676.765.104	3.253.942.082
	<b>4.893.602.281</b>	<b>9.082.896.382</b>

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Lãi vay phải trả tổ chức và các nhân khác	6.589.596.778	6.023.959.585
Chi phí phải trả khác	247.223.025	1.037.895.826
	<b>6.836.819.803</b>	<b>7.061.855.411</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-CTCK**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền gửi thanh toán của nhà đầu tư	82.549.881.306	108.647.846.347
Nhận ký quỹ của nhà đầu tư	-	110.125.435.997
Phải trả phải nộp khác	395.489.950	1.808.074.902
	<b>82.945.371.256</b>	<b>220.581.357.246</b>

**17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

Nợ dài hạn	Số dư đầu năm	Số vay trong năm	Số trả trong năm	Số dư cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Trái phiếu phát hành	183.855.000.000	232.427.000.000	805.000.000	415.477.000.000
	<b>183.855.000.000</b>	<b>232.427.000.000</b>	<b>805.000.000</b>	<b>415.477.000.000</b>

Số dư nợ dài hạn cuối năm bao gồm:

- (i) 183.050 trái phiếu không chuyển đổi Công ty phát hành ngày 02/10/2014. Mệnh giá 1.000.000 đồng/ trái phiếu; thời hạn 3 năm. Lãi suất áp dụng 03 tháng đầu tiên là 10,5%. Các kỳ tiếp theo thả nổi bằng lãi suất gửi tiết kiệm cá nhân thời hạn 12 tháng do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố tại ngày đầu tiên của kỳ trả trái tức + 3,5%/ năm.
- (ii) 70.000 trái phiếu không chuyển đổi Công ty phát hành ngày 16/06/2015. Mệnh giá 1.000.000 đồng/ trái phiếu. Thời gian đáo hạn: 16/06/2017. Lãi suất 9%/năm cho 6 tháng đầu tiên. Các kỳ tiếp theo tính theo lãi suất thả nổi bằng lãi suất gửi tiết kiệm cá nhân thời hạn 12 tháng của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố tại ngày đầu tiên của kỳ trả trái tức + tối thiểu 2,5%/ năm.
- (iii) 162.427 trái phiếu không chuyển đổi Công ty phát hành ngày 09/11/2015. Mệnh giá 1.000.000 đồng/ trái phiếu. Thời gian đáo hạn: 09/11/2017. Lãi suất 8,5% /năm cho 03 tháng đầu tiên. Thời gian tiếp theo tính theo lãi suất thả nổi bằng lãi suất gửi tiết kiệm cá nhân thời hạn 12 tháng của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố tại ngày đầu tiên của kỳ trả trái tức + tối thiểu 2,0%/ năm.

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

*Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-CTCK**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2014	350.000.000.000	9.893.537.224	4 174 946 307	364.068.483.531
Lợi nhuận trong năm	-	-	27.037.172.973	27.037.172.973
Trích quỹ trong năm	-	1.771.821.006	(3.543.642.011)	(1.771.821.005)
Số dư tại 01/01/2015	350.000.000.000	11.665.358.230	27.668.477.269	389.333.835.499
Lợi nhuận trong năm	-	-	17.096.144.701	17.096.144.701
Trích quỹ trong năm (i)	-	2.703.717.298	(5.407.434.595)	(2.703.717.297)
Chia cổ tức năm 2014 (ii)	-	-	(21.700.000.000)	(21.700.000.000)
Số dư tại 31/12/2015	350.000.000.000	14.369.075.528	17.657.187.375	382.026.262.903

Ghi chú: (i), (ii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng thường niên năm 2015 số 22/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 4 năm 2015, phương án phân phối lợi nhuận năm 2014 được thông qua như sau:

Đơn vị: VND

- Trích quỹ dự phòng tài chính	2.703.717.298
Trong đó: + Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	1.351.858.649
+ Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	1.351.858.649
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	2.703.717.297
<b>Cộng</b>	<b>5.407.434.595</b>

Và phương án chia cổ tức được thông qua với tỷ lệ chi trả cổ tức 6,2% tương ứng với 21.700.000.000 VND.

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy phép thành lập và hoạt động và các giấy phép điều chỉnh, vốn điều lệ của Công ty là 350.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp tại 31/12/2015		Vốn đã góp tại 01/01/2015	
	VND	%	VND	%
Ngân hàng TMCP Sài Gòn	38.500.000.000	11,00%	38.500.000.000	11,00%
Ông Nguyễn Văn Dũng	22.112.276.000	6,32%	22.112.276.000	6,32%
Ông Nguyễn Việt Cường	12.825.000.000	3,66%	12.825.000.000	3,66%
Các cổ đông khác	276.562.724.000	79,02%	276.562.724.000	79,02%
<b>Tổng cộng</b>	<b>350.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>350.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-CTCK**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty như sau:**

	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>	
Cổ phiếu phổ thông			
+ Số cổ phiếu được phép phát hành	35.000.000	35.000.000	cổ phiếu
+ Số cổ phiếu đã được phát hành và được góp vốn đầy đủ	35.000.000	35.000.000	cổ phiếu
+ Mệnh giá của cổ phiếu	10.000	10.000	đồng/cổ phiếu
+ Số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm cuối năm	35.000.000	35.000.000	cổ phiếu

**20. DOANH THU**

	<b>Năm 2015 VND</b>	<b>Năm 2014 VND</b>
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	40.457.580.266	64.334.916.784
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	16.912.930.765	30.088.364.649
Doanh thu hoạt động tư vấn	3.101.773.226	1.578.184.272
Doanh thu lưu ký chứng khoán	1.747.150.839	1.804.165.381
Doanh thu ủy thác đầu giá chứng khoán	264.545.662	-
Doanh thu khác	80.178.875.959	53.146.234.379
<i>Doanh thu lãi tiền gửi</i>	<i>6.678.127.188</i>	<i>2.527.321.756</i>
<i>Doanh thu hoạt động giao dịch mua ký quỹ chứng khoán</i>	<i>70.823.675.306</i>	<i>46.603.225.381</i>
<i>Doanh thu hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán</i>	<i>2.039.278.521</i>	<i>3.332.521.355</i>
<i>Doanh thu phí SMS chủ động</i>	<i>307.497.016</i>	<i>362.325.259</i>
<i>Doanh thu khác</i>	<i>330.297.928</i>	<i>320.840.628</i>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>142.662.856.717</b>	<b>150.951.865.465</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>142.662.856.717</b>	<b>150.951.865.465</b>

**21. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**
**MẪU SỐ B 09-CTCK**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí môi giới	7.165.624.250	10.628.364.277
Chi phí đầu tư chứng khoán, góp vốn	1.541.816.892	16.389.467.216
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng	354.659.566	(20.482.987.244)
Chi phí lãi vay	14.219.408.254	23.013.484.427
Chi phí lãi trái phiếu	22.529.775.868	3.199.898.516
Chi phí khác	50.340.423.582	52.670.858.246
	<b>96.151.708.412</b>	<b>85.419.085.438</b>

**22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nhân viên quản lý	11.097.422.451	8.153.314.009
Chi phí vật liệu quản lý	345.776.386	569.707.110
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2	106.129.820
Chi phí dự phòng	10.000.000.000	18.480.930.390
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.258.583.508	4.174.371.093
Chi phí quản lý khác	2.318.283.835	1.273.018.229
	<b>27.020.066.182</b>	<b>32.757.470.651</b>

**23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>19.496.696.727</b>	<b>32.776.788.510</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế (cổ tức được chia)	(8.810.754.710)	(7.004.379.541)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	225.658.100	316.752.561
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>10.911.600.117</b>	<b>26.089.161.530</b>
Thuế suất	22%	22%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>2.400.552.026</b>	<b>5.739.615.537</b>

**24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-CTCK**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	Năm 2015	Năm 2014 (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận cơ bản để tính lãi trên cổ phiếu	17.096.144.701	24.333.455.676
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	2.703.717.297
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	35.000.000	35.000.000
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>	<b>488</b>	<b>695</b>

Công ty chưa có kế hoạch phân phối lợi nhuận của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015. Do đó, chưa có điều chỉnh nào đối với lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

Theo quy định tại Thông tư 200, quỹ khen thưởng phúc lợi được loại trừ ra khỏi lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu. Do vậy, lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2014 được xác định lại là 695 VND (số trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 là 772 VND).

**25. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Công ty đã thực hiện theo dõi doanh thu và chi phí theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh chính. Tuy nhiên, các khoản chi phí khác trong năm không tách riêng được, do đó Công ty không trình bày thông tin báo cáo theo bộ phận và cho rằng việc không trình bày nội dung này không ảnh hưởng trọng yếu tới việc trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

**26. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Thuê hoạt động là các khoản thuê văn phòng làm việc của Công ty. Chi phí thuê hoạt động đã ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong năm là 6.988.930.783 VND.

Tại ngày 31/12/2015, Công ty có khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Trong vòng một năm tới	6.893.071.080	4.469.779.457
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	3.697.560.000	7.294.032.880
	<b>10.590.631.080</b>	<b>11.763.812.337</b>

**27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Các khoản lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc và thù lao Hội đồng Quản trị trong năm:**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-CTCK**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc	7.079.000.000	3.281.370.808
Thù lao Hội đồng Quản trị	120.000.000	108.000.000

**28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Các khoản vay	415.477.000.000	213.855.000.000
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	179.081.060.225	280.047.392.848
Nợ thuần	236.395.939.775	-
Vốn chủ sở hữu	382.026.262.903	389.333.835.499
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	61,88%	0,00%

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-CTCK**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	Giá trị số kế toán			
	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	179.081.060.225	-	280.047.392.848	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	494.433.426.987	(26.495.528.730)	413.255.018.061	(16.495.528.730)
Đầu tư ngắn hạn	273.636.972.918	(36.792.898.052)	223.482.129.325	(36.438.238.486)
Các khoản ký quỹ	1.629.538.580	-	1.631.288.580	-
	<b>948.780.998.710</b>	<b>(63.288.426.782)</b>	<b>918.415.828.814</b>	<b>(52.933.767.216)</b>

	Giá trị số kế toán	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>Công nợ tài chính</b>		
Vay và nợ	415.477.000.000	213.855.000.000
Phải trả người bán	1.478.768.659	1.178.458.328
Chi phí phải trả	6.836.819.803	7.061.855.411
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	82.945.371.256	220.581.357.246
<b>Tổng cộng</b>	<b>506.737.959.718</b>	<b>442.676.670.985</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm hoạt động theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B 09-CTCK**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

**Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu**

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư ... Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đảo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**
**MẪU SỐ B 09-CTCK**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	179.081.060.225	-	179.081.060.225
Phải thu khách hàng, phải thu khác	467.937.898.257	-	467.937.898.257
Đầu tư ngắn hạn	236.844.074.866	-	236.844.074.866
Các khoản ký quỹ	521.389.100	1.108.149.480	1.629.538.580
<b>Tổng tài sản tài chính</b>	<b>884.384.422.448</b>	<b>1.108.149.480</b>	<b>885.492.571.928</b>
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>			
Vay và nợ	-	415.477.000.000	415.477.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	84.424.139.915	-	84.424.139.915
Chi phí phải trả	6.836.819.803	-	6.836.819.803
<b>Tổng công nợ tài chính</b>	<b>91.260.959.718</b>	<b>415.477.000.000</b>	<b>506.737.959.718</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>793.123.462.730</b>	<b>(414.368.850.520)</b>	<b>378.754.612.210</b>

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	280.047.392.848	-	280.047.392.848
Phải thu khách hàng, phải thu khác	396.759.489.331	-	396.759.489.331
Đầu tư ngắn hạn	187.043.890.839	-	187.043.890.839
Các khoản ký quỹ	523.139.100	1.108.149.480	1.631.288.580
<b>Tổng tài sản tài chính</b>	<b>864.373.912.118</b>	<b>1.108.149.480</b>	<b>865.482.061.598</b>
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>			
Vay và nợ	30.000.000.000	183.855.000.000	213.855.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	221.759.815.574	-	221.759.815.574
Chi phí phải trả	7.061.855.411	-	7.061.855.411
<b>Tổng công nợ tài chính</b>	<b>258.821.670.985</b>	<b>183.855.000.000</b>	<b>442.676.670.985</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>605.552.241.133</b>	<b>(182.746.850.520)</b>	<b>422.805.390.613</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B 09-CTCK**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**29. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 01/2016/NQ-HĐQT và số 02/2016/NQ-HĐQT ngày 08/01/2016, kể từ ngày 15/01/2016, ông Nguyễn Tiến Thành - Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh được bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Giám đốc và miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc (chấm dứt kiêm nhiệm) đối với ông Nguyễn Văn Dũng - Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc. Công ty đã được cấp Giấy phép điều chỉnh số 03/GPĐC-UBCK ngày 28/01/2016.

**30. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán.

*(Đã ký)*

---

**Nguyễn Tiến Thành****Tổng Giám đốc***Hà Nội, ngày 11 tháng 03 năm 2016**(Đã ký)*

---

**Lê Thanh Tùng****Kế toán trưởng***(Đã ký)*

---

**Bùi Thị Thanh Hiền****Người lập biểu**